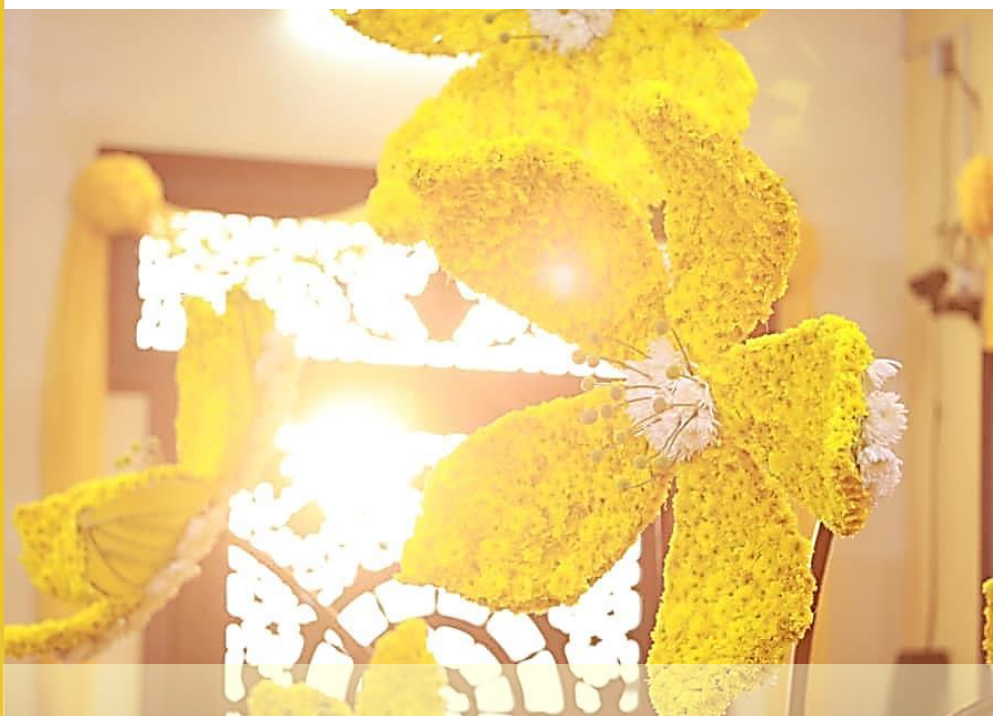


CHÚNG TA CÓ PHẢI LÀ NGŨ UẨN CHĂNG?

*Tìm Hiểu Về Các Đặc Tính và
Sự Vận Hành Của Ngũ Uẩn*



Thiền Sư THÍCH TUỆ HẢI

EKAYANA ZEN PUBLICATIONS



CHÚNG TA CÓ PHẢI LÀ
NGŨ UẨN CHĂNG?

*Tìm hiểu về các đặc tánh
và sự vận hành của ngũ uẩn*



CHÚNG TA CÓ PHẢI LÀ NGŨ UẨN CHĂNG?

*Tìm hiểu về các đặc tánh
và sự vận hành của ngũ uẩn*

Lược giảng của

THIỀN SƯ THÍCH TUỆ HẢI
(VÔ TRỤ THIỀN SƯ)

Ấn bản Việt ngữ 2023

EKAYANA ZEN PUBLICATIONS

First edition © 2023 by Đinh Kim Nga (*Thích Tuệ Hải*)

All rights reserved. No part of this book may be reproduced in any form or by any means, electronic or mechanical, including photocopying, recording or by any information storage or retrieval system without permission in writing from the publisher.

First edition published by Ekayana Zen Publications, Irvine, California, USA.

Contact: ekayanazen@gmail.com

For digital information, please visit: www.ekayanazen.com

Printed in the United States of America

Book design: Pristine Nguyễn



MỤC LỤC

Dẫn nhập	6
Hiểu về các đặc tánh và sự vận hành của ngũ uẩn	
1. Sắc uẩn	10
2. Thọ uẩn	13
3. Tưởng uẩn	17
4. Hành uẩn	33
5. Thức uẩn	65
Tiểu sử tóm lược của Thiền Sư Thích Tuệ Hải	

Hít vào
phước huệ viên mãn

Thở ra
tròn đầy yêu thương



*Tài liệu này được trích ra
từ chuỗi bài giảng về*

TINH TÚY BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

do

THIỀN SƯ THÍCH TUỆ HẢI

*thuyết giảng tại Chùa Long Hương
trong mùa an cư kiết hạ năm 2019.*



Ở trong bản Kinh *Tịnh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa* (trước đây thường được biết dưới tên *Tâm Kinh*), đầu tiên là Đức Phật đang muốn nói đến một người “*đã vượt thoát ngũ uẩn*.” Vậy ngũ uẩn là gì? Nói theo kiểu nhà quê dễ hiểu nhất, ngũ uẩn là thân tâm của mình.

Sắc là sắc thân của mình; thọ, tưởng, hành, thức là tâm của mình. Người thấy “*ngũ uẩn giai Không*” là thấy thân này hoàn toàn không có. Ngũ uẩn vốn dĩ là hiện tiền Bát Nhã! Ngũ uẩn vốn là *chân như*, vốn là *thanh tịnh*.

Nếu như chúng ta còn thấy có thân là chưa có trí tuệ Bát Nhã thì chúng ta chưa vượt thoát khỏi vướng chấp khổ đau. Cho nên đối với thân tứ đại này thì ngài Quán Tự Tại thấy nó là Không. Cái Không này không phải là “*không*” so với “*có*” mà nó chính là rỗng lặng, thanh tịnh tuyệt đối. Cái Không này là không “*tướng có*” và không “*tướng không*”. Hay nói cách khác, đây là “*cái Không của tự thể*”. Vì tự thể Không, nên từ chỗ Không Tướng, không có *tướng sắc* và không có *tướng không*, nên nó mới sanh ra *tướng sắc* và *tướng không*.

Cho nên ở đây, Bạc Quán Tự Tại thấy rõ ràng rằng thân này, tâm này chính là hiện tiền Bát Nhã, chính hiện tiền này là Không Tướng, chính hiện tiền này là *Như Như*. Đó là cái thấy nhìn của một bậc được gọi là thâm nhập Bát Nhã. Khi người nào thâm nhập Bát Nhã thì mới

đủ trí tuệ thấu suốt tất cả ngũ uẩn là Không, tức là thân tâm này là Không.

Khoảnh khắc hay ra Bát Nhã để tan biến thành Bát Nhã thì khoảnh khắc ấy “*thông thấu*” năm uẩn là Không. Không phải là “*chiếu kiến*” như cách nói trong bản dịch Tâm Kinh xưa nữa, mà *ngay khi* trí tuệ “*Bát Nhã hiện tiền,*” ngay khoảnh khắc hiện tiền này, đó chính là Bát Nhã. Ngay nơi khoảnh khắc hiện tiền này, chúng ta thông thấu năm uẩn là Không. Ở đây không phải là sự hiểu biết nữa mà là sự “*tỏ thông thấu suốt*” Bát Nhã.

Tỏ thông thấu suốt Bát Nhã thì năm uẩn từ xưa tới giờ cũng không hề có sự vướng động. Chúng ta lầm nên thấy có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chứ nếu thấy đúng sự thật rồi thì ngũ uẩn là thông thấu, là hiện tiền. Sự tỏ thông này không có nghĩa là sửa đổi, là thay đổi cái thấy nhìn, mà vì ngũ uẩn từ xưa tới bây giờ vốn dĩ là Không. Cho nên, khi trí tuệ Bát Nhã hiển lộ thì sự tỏ thông của trí tuệ Bát Nhã làm hiển hiện cái hiện thực của ngũ uẩn này, mà ngũ uẩn này vốn dĩ là Không, chứ ngũ uẩn chưa từng có. Lầm thì có ngũ uẩn, ngộ thì ngũ uẩn là Không. Chứ không phải là “*chiếu kiến*”, không phải là “*hành thâm*”. Chuyện đó quá dư thừa và không đủ sức để nói chuyện Bát Nhã ở đây.

Nói đến Bát Nhã là nói đến cốt lõi của trí tuệ, mà cốt lõi của trí tuệ là sự thông thấu toàn bộ pháp giới này vốn dĩ là *Không Tướng*, là *Thật Tướng*. Pháp giới này là hiện tiền, là chân như pháp giới, không có cái khác. Nếu

thấy cái khác thì không phải là có trí tuệ Bát Nhã. Cho nên, ngay khi trí tuệ Bát Nhã hiện tiền thì ngũ uẩn là Không. Nếu chúng ta vẫn còn thấy “có” thì chưa phải có trí tuệ Bát Nhã.

Như vậy, vị Quán Tự Tại là một Bậc giác hữu tình, nên trí tuệ Bát Nhã đã tỏ thông rồi. Ngay khi trí tuệ Bát Nhã tỏ thông để có thể tự tại trong sanh tử, Ngài thâm nhập được Bát Nhã trí. Chính Bát Nhã trí này thấy được sự thật vốn có của ngũ uẩn là Không. Đó là sự thật vốn có, chứ không phải là “tôi công phu” để được ngũ uẩn là Không. Cũng không phải “hồi trước ngũ uẩn là có, mà do tôi tu mấy chục năm, mấy chục đời, mấy vạn kiếp” nên bây giờ ngũ uẩn là Không. Không phải như vậy.

Ở đây đang muốn nói đến Bậc giác hữu tình là bậc có trí tuệ đã giác ngộ, hoàn toàn tự tại rồi. Nên Ngài “*thấu suốt*” tự thể của năm uẩn *vốn dĩ* là Không, chứ không phải do “*công phu*”, không phải do “*quán chiếu*”, không phải do “*hành thâm*”. Dùng các từ ngữ như vậy là quá xa đối với bây giờ, nên chúng ta phải quên những cái cũ để có thể tiếp nhận được “*Bát Nhã hiện tiền*”. Đối với cái cũ mà chúng ta còn vướng động bất kỳ chỗ nào thì Bát Nhã cũng không thể hiện tiền được.

Cho nên, đối với Đấng tôn quý giác hữu tình Quán Tự Tại là người đã giác ngộ, mà đã giác ngộ rồi thì hiện thực hiện tiền này là tự tại vô quái ngại, là không vướng động, là không hề có bất kỳ chỗ nào có thể tồn động lại được, là người tự do giải thoát hoàn toàn nhưng

không đi đâu về đâu. Nếu có đi đâu về đâu thì không phải là người tự tại. Tự tại là ngay hiện tiền này hoàn toàn vượt thoát. Cho nên mỗi mỗi hiện tiền đều là tự tại, tự do, mỗi mỗi hiện tiền đều là Bạc giác hữu tình, mỗi mỗi hiện tiền chính là Bát Nhã, mỗi mỗi hiện tiền ở đây là không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, tức là không có ngũ uẩn.

Khi học đạo chúng ta phải hiểu rõ, hiểu tường tận năm uẩn này, vì nếu như đối với năm uẩn này mà chúng ta không thấy hết, không hiểu hết, không nhận định cho đúng thì chúng ta vẫn bị làm trong công phu.



Sắc uẩn

“*Sắc uẩn*” là gì? Là thân tứ đại của mình, nó nhóm chứa bốn điều: đất, nước, gió, lửa. “*Đất*” là chất cứng chúng ta có thể chạm được như tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, hoành cách mô... “*Nước*” là ướt; cái gì ướt là nước, như mồ hôi, nước máu, nước mắt, nước tiểu, nước gì trên cơ thể chúng ta chạm tới mà ướt thì được xem là nước. “*Gió*” là động. Chúng ta còn lưu thông huyết mạch, dòng tuần hoàn còn trôi chảy được, còn hít vô thở ra được, còn cử động được, còn sống, còn động là có gió. “*Lửa*” là hơi ấm. Bất kể sinh vật sống nào trong vũ trụ này cũng đều có bốn điều này, không cái gì có thể thoát ra được.

Sắc uẩn này, trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật giải thích ra sao? Ví dụ như bây giờ ở giữa hư không này, nếu chúng ta bật hộp quẹt thì nó cháy, bật bếp ga thì bếp ga cháy. Như vậy lửa có ở khắp hư không này, tùy theo tâm chúng ta muốn lấy lửa kiểu gì. Nếu muốn lấy lửa chín nồi cơm thì lửa đủ cháy trong bếp lò nấu cơm, muốn lửa cháy nhà thì lửa phụt cháy nhà. Lửa tùy theo tâm của mình. Vậy theo Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật giải thích tứ đại là “*Như Lai tàng tâm trùm khắp pháp giới, tùy theo tâm của chúng sanh mà ứng với lượng hay biết*”.

Cho nên, Bạc Quán Tự Tại thấy rõ ràng ngũ uẩn này là Như Lai tàng tâm, thấy sắc là Như Lai tàng tâm; thọ, tưởng, hành, thức cũng là Như Lai tàng tâm. Vậy khi thâm nhập Bát Nhã rồi thì tứ đại cũng chính là Như Lai tàng tâm. Đây là bước đầu. Ngay ở bước đầu, trí tuệ Bát Nhã đã nói lên cảnh giới siêu tuyệt của người đã vượt thoát hoàn toàn trong sanh tử, vượt thoát những thấy biết, vượt thoát những kiến thức sai lầm từ xưa tới giờ để đạt tới trí tuệ toàn hảo, thì mới đủ sức thấy được sắc này chính là Như Lai tàng tâm. Sắc này chính là Bát Nhã, sắc này chính là hiện tiền rốt ráo, không có một sự vướng mắc nào.

Sở dĩ chúng ta chưa đạt tới chỗ này là vì chúng ta thấy sắc thân này là còn, là có, là sống, là chết. Nhưng đối với người giác ngộ rồi thì không có chuyện sống chết của thân này. Họ thấy tứ đại bên ngoài cũng như tứ đại trong thân chưa có một kẽ hở hay một khoảng cách nào. Cũng như trong Tứ Niệm Xứ, khi chúng ta quán thân thì phải quán nội thân và ngoại thân, chúng ta sẽ thấy được sự thật là cái ướt bên ngoài cũng như cái ướt nơi thân này chưa có khoảng cách ly. Cho nên đất, nước, gió, lửa của thân mình và đất, nước, gió, lửa của vũ trụ này cũng vốn dĩ là *Như Lai tàng tâm thanh tịnh trùm khắp pháp giới* chứ không có cái gì là ô trược.

Khi trí tuệ Bát Nhã hiện tiền, như đối với cái nhìn của ngài Quán Tự Tại, một Bạc giác ngộ thì ngài thấy được hiện thực của thân ngũ uẩn. Cũng như bây giờ

chúng ta đang nói đến thân tứ đại thì nó vốn là thanh tịnh, rỗng lặng, là Không Tướng. Cho nên hiện tướng của thân ngũ uẩn này cũng chỉ là một ảo tướng do tâm thức xây dựng hình thành mà thôi. Tâm thức cũng là cái ảo, cái ảo để hình thành ảo thân chứ hiện thực thì không có ảo thân này.

Khi người ta nhìn ra được sự thật rồi thì tất cả các pháp từ xưa tới giờ vốn dĩ là bất sanh bất diệt, chưa từng có chuyện sanh diệt. Nhưng mình còn lầm và với cái nhìn của phàm phu thì thân có già, có bệnh, có chết, có sanh, có tử. Đó là cái nhìn sai lầm, là cái nhìn của vô minh. Chỉ một thoáng thấy “*có*”, thấy “*không*” thôi là chúng ta rớt sâu xuống tầng sâu của vô minh rồi. Nhưng nói theo Bát Nhã thì chúng ta phải thấy rõ rằng thân tứ đại của chúng ta vốn dĩ là thanh tịnh, vốn dĩ là Như Lai tàng tâm trùm khắp pháp giới.



Thọ uẩn

Chúng ta thường hiểu “*thọ*” theo nghĩa bình thường gồm có thọ khổ, thọ vui và thọ không khổ không vui. Ví dụ như chúng ta đang ngồi đây nghe giảng không có cảm giác gì là khổ, không có gì hứng thú lắm, nghe cứ nghe thì đó là dạng thọ không khổ không vui. Nghe chẳng có gì hiểu, chẳng có gì thích thì đây là đang thọ không khổ không vui. Bỗng dưng có ai chửi “chị là con thú” thì cảm giác khó chịu nổi lên là thọ khổ. Hoặç ai khen “sao chị đẹp quá, trẻ hơn trước” thì mình cảm giác vui là thọ vui. Vậy chúng ta xét lại xem từ đâu có khổ, có vui?

Nghĩa đen của thọ là “*nhận*”, là sự “*thọ nhận*” của lục căn gồm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Muốn nhận thì phải có thức phân biệt nên thọ được xem là sự nhận định, sự nhận thức của mình. Mình nhận cái gì thì cái đó được xem là thọ. Ví dụ có người cầm cho mình 100 ngàn, mình nhận là mình thọ ơn người đó rồi. Nhận một lời khen, một tiếng chê là nhận; nhận điều tốt, điều xấu, nhận cảnh duyên, nhận âm thanh, nhận hình sắc cũng là nhận.

Lục căn tiếp xúc lục trần xem như thọ, như vậy là lúc nào chúng ta cũng thọ, thọ từ bên ngoài thọ tới bên

trong. Khi có những ý niệm nhớ tới quá khứ, mình buồn, vì quá khứ không có đẹp đẽ gì; nhớ tới quá khứ vui vẻ thì mình cũng mỉm miệng cười một chút. Khi hướng về quá khứ, chúng ta cũng buồn, thương, giận, ghét, tức là chúng ta có cảm thọ. Có những chuyện quá khứ lướt qua nơi đầu mình, mình bình thường không buồn, không vui; không có cảm xúc thì cũng được gọi là thọ.

Sự tiếp xúc của căn trần là thọ, ngay khi xúc là có thọ. Trong mười hai Nhân duyên là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc mới duyên thọ. Bất kể sự tiếp xúc nào nơi căn trần là chúng ta đều thọ. Thọ là nhận, theo kiểu người Việt Nam nói là “lãnh đủ”. Người ta chửi mình một tiếng, đánh mình một cái là mình lãnh đủ. Gần như cả đời không lúc nào chúng ta không thọ, không nhận.

Cảm giác, cảm thọ của thân này là xúc. Khi chúng ta xúc tới nóng là thọ nóng, khi xúc lạnh là thọ lạnh, xúc trơn là thọ trơn, xúc nhám là thọ nhám, xúc đau là thọ đau. Như cây kim mới đụng da thì chưa có gì, mà đâm mạnh thì bắt đầu đau, là cảm nhận, cảm giác của thân. Cho nên, thọ không riêng của tâm mà còn là của thân nữa. Thân tâm này đều thọ; trong đó có cái xúc của thân gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Chứ không có nghĩa thọ chỉ là tâm. Lâu nay chúng ta học thọ là tâm, là chúng ta học không hết chuyện.

Có thọ là có ái, ái không có nghĩa là thương mà

ái là yêu và ghét. Ghét cũng là hình thức ái nhưng ngược với yêu. Vì khi ái là có hữu, khi thương chúng ta cũng nhớ mà khi ghét chúng ta cũng nhớ. Khi thương, nơi tâm chúng ta có một ý niệm và khi ghét, nơi tâm chúng ta cũng có một ý niệm, nên cả thương lẫn ghét gom lại mới thành thủ. Ghét giữ trong lòng nhưng không ghét cũng giữ; thương cũng thủ mà ghét cũng thủ. Hai thứ khó quên nhất là thương và ghét. Hai thứ này tên là ái. Không phải ái là yêu, là mến mà ghét còn thủ chấp sâu hơn. Sống để bụng chết đem theo là quá thương người này mới nhớ dai như vậy. Đó là dạng bề trái của ái, vì ái có hai mặt là thương và thù. Có ái mới thành thủ.

Cho nên ngay nơi cảm thọ này, ví dụ như không có thương, không có thù, không có khổ, không có vui thì chúng ta có nhận không? Có nhận rồi! Nghĩa là không nhận cái khổ, không nhận cái vui nhưng đã “*có nhận*” rồi. Ví dụ như chúng ta nhìn cái bàn này, mình không thương, không ghét nó nhưng mình đã có nhận rồi. Giống như bây giờ chúng ta có thuế gọi là “*thuế không phần trăm*”. Thuế không có phần trăm nào hết nhưng vẫn được xem là thuế. Kiểu thế gian là như vậy. Trong Phật Pháp thì khi mắt thấy sắc là chúng ta đã tự nhận rồi, nó thành thói quen vướng mắc nghiệp tập của căn trần, vừa thấy là nhận, vừa nghe là nhận chứ chúng ta không từ chối được. Còn một người giác ngộ rồi thì ngay nơi thấy họ cũng không nhận, gọi là không thọ. Ngay cả cái không thọ khổ, không thọ vui thì họ cũng không có, còn

mình vẫn có cái thọ không khổ, không vui.

Chúng ta không thoát khỏi cảm thọ không khổ không vui. Mặc dù người này với mình không có tình cảm gì nhưng thấy họ là mình đã có nhận rồi. Tại sao lại không có tình cảm? Bởi vì giữa họ với mình không có kỷ niệm buồn, thương, giận, ghét; mình thấy là thấy vậy thôi, nhưng sau khi mình về nhà, mình có nhớ họ không? Có, nhớ họ nhưng không thương, nhớ họ nhưng không ghét thì đó là một dạng thọ. Cho nên, nếu không thọ thì mình có nhớ không? Không. Tuy nhiên, có những cái mình nhớ nhưng mình đâu có khổ, đâu có vui. Như chuyện hôm qua mình ăn cơm rất là bình thường, hoặc như chuyện đạp chân dưới đất cũng bình thường không có khổ, không có vui nhưng có thọ. Chúng ta đang ngồi trên ghế là chúng ta đang thọ, gió đang thổi là cơ thể chúng ta đang thọ, không khí đang hiện ở đây là chúng ta đang thọ. Mặc dù nó không mang màu sắc khổ vui nhưng nó vẫn còn thọ của chính thân tâm mình.



Tưởng uẩn

“*Tưởng*” trong Kinh gọi là “*tri*” nhưng ở đây tri không có nghĩa là cái biết trùm khắp như chúng ta học. Khi muốn nói đến thức thì chúng ta phải nói đến điều này. Vậy “*tưởng*” nghĩa là gì? Thứ nhất, đây là những chuyện mà chúng ta đã tiếp xúc, như mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm rồi, đến khi ngồi lại thì những hình bóng đó vẫn còn. Trong Duy Thức gọi là “*lạc tạ ảnh tử*” hoặc là “*tịnh sắc căn*”. Tức là những ý niệm còn tồn tại trong tâm thức chúng ta qua căn trần đã một lần tiếp xúc. Bây giờ chúng ta tưởng lại cái gì mình chưa từng nghe, chưa từng thấy, chưa từng hiểu và chưa từng biết thì mình có tưởng nổi không? Như nói người cõi trời đẹp lắm thì mình tưởng cái đẹp đó ra làm sao? Không được đâu! Chúng ta không thể tưởng được nếu căn chưa từng tiếp xúc với trần lần nào. Đó là cách tưởng thứ nhất.

Cách tưởng thứ hai là chúng ta có thể dựa theo kiến thức để tưởng tượng. Ví dụ lần đó mình bị đứt tay rất sâu, mất cả tháng mới lành. Bây giờ mình bị đứt tay nữa, mình ngồi tưởng tượng chắc cả tháng mới lành, nhưng lần này bị đứt nhẹ nên tự động lành trong vài ba ngày. Hoặc khi chúng ta lợi ruộng bị đĩa đeo, lúc đầu chưa có gì, nhưng nghe người bên cạnh kêu lên “con đĩa đeo kia, ghê quá” là chúng ta ngã ra xỉu. Vì khi có tưởng

thì sự việc bị nhân rộng ra. Ví dụ như có đứa nhỏ chơi trước sân, nó lấy cây làm chết con chim; bà kia thấy được, về kể lại là hồi sáng thấy thằng nhỏ đứng trước cổng chùa đập chết con đại bàng. Họ tưởng ra cho chuyện trở thành lớn và chúng ta luôn là như vậy. Nghĩa là nương chuyện cũ mà chúng ta sẽ tưởng tượng, thổi phồng cho nó rộng hơn, lớn hơn.

Khi chúng ta ngồi một mình thì những ý tưởng này sẽ hiện ra. Chuyện tốt xấu, đúng sai, hay dở, mới cũ bắt đầu hình thành và chúng ta gọi đây là những niệm tưởng. Ngang đây cần phải nói thêm một chút để chúng ta thấy về chuyện công phu với niệm tưởng. Khi các niệm tưởng hiện ra, nếu chúng ta thấy rõ một niệm tưởng hiện ra thì tự động niệm tưởng đó mất đi, nhưng chúng ta lại không chịu để cho nó tự hiện và tự mất mà chúng ta lại cứ muốn “tu”. Nghĩa là ý niệm khởi ra là mình phải diệt nó, mà diệt nó có phải là muốn cho nó mất không? Không! Diệt nó có nghĩa là mình muốn mình nhớ nó sâu hơn và ý niệm này chắc chắn sẽ trở lại với mình! Vì chính mình đã vun phân bồi nước, chính mình đã bắt đầu muốn gìn giữ nó. Cho nên, thái độ trừ vọng, diệt vọng là thái độ sai lầm trong lúc công phu. Muốn trừ vọng, bỏ vọng, muốn xa lìa vọng, muốn vọng không còn, muốn vọng phải chấm dứt. Tất cả những cái muốn đó là những cái muốn sai lầm.

Cho nên khi những niệm tưởng xảy ra với chúng ta, những chuyện quá khứ mang máng quay về, những

chuyện đó hiện tiền hiện ra, rồi “nó” nhớ chuyện này, chuyện kia, “nó” thương người này, ghét người nọ... thì cứ để cho “nó” bình thường và mình chỉ là người thuần rõ biết thôi. Khi “*cái tâm rõ biết hiện tiền*” của chúng ta hiện ra, cái gì hiện ra thì chúng ta rõ cái đó, chứ không phải đặt “nó” là vọng, là tham, là sân, là si, không hơn thua chống đối, không bình luận chê bai. Tất cả các niệm tưởng đều được chúng ta “*thấy rõ, biết rõ*” và nó sẽ “*tự tan biến*”. Dần dần niệm tưởng của quá khứ sẽ dần dần thưa thớt. Vì niệm tưởng tới với mình nhưng mình không quan trọng nó nữa, có nghĩa là khách tới nhà mà mình không tiếp, không trà, không nước thì khách chán rồi không tới nữa, rồi dần dần các niệm tưởng sẽ thưa dần.

Chính cái rõ biết hiện tiền này sẽ càng lúc càng rõ. Lúc đầu chúng ta sẽ rõ niệm thô, rồi dần dần chúng ta sẽ rõ các niệm tế, rồi niệm tế cũng thưa dần dần, cho tới không còn niệm nào để mình rõ nữa thì mình sẽ rõ cái rỗng, ở đây được xem như là “*tưởng*” hết. Những hình bóng, âm thanh, những gì lục căn tiếp xúc lục trần sẽ sanh ra tưởng. Nếu chưa từng tiếp xúc thì chúng ta sẽ không tưởng được, không nhớ được. Còn niệm tưởng sanh ra là do chúng ta đã từng xúc. Vậy những niệm tưởng này là những vọng động, vọng khởi, và cũng chính là mầm mống của sanh tử. Nếu tưởng lặng thì có hết sanh tử không? Nếu nhìn theo chiều nông cạn thì khi vọng tưởng lặng là xem như hết sanh tử nhưng

thực sự là chưa hết.

Ví dụ như bây giờ chúng ta ngồi cho tới lẳng hết ý niệm thì tâm chúng ta hiện cái yên tịnh ra, hiện cái “*không tưởng*” ra. Không còn ý niệm, không còn ý tưởng nữa, không còn cái lẳng xăng lộn xộn nữa thì xem như chúng ta được định. Lúc đầu rõ ràng định này là rỗng lẳng, nhưng sau khi định sâu rồi thì chúng ta sẽ thấy cuộn cuộn những hiện khởi của hành ấm. Nó không phải là ý niệm lan man giống như những hòn bọt nổi trên mặt biển như lúc trước nữa.

Như vậy tưởng được xem như là những hòn bọt nổi trên mặt biển, còn hành là nguyên biển nước mênh mông kia. Như vậy mầm móng sanh tử không phải là nằm ngoài ở tướng ấm mà là nằm ở trong hành ấm này. Hành ấm mới là hang ổ của sanh tử luân hồi, chứ không phải là tướng ấm. Đây là điều chúng ta phải biết nhưng thực sự không có mấy ai đủ tầm, đủ trí để có thể thấy được hành ấm. Chỉ có những người đã vượt qua được tướng ấm thì mới thấy được hành ấm. Một điều chúng ta thấy rõ ràng là lúc nào hết tướng thì mình mới thấy nhẹ nhàng.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rằng: “*Tình thì đi xuống, tướng thì đi lên*” nhưng thực sự là “*không có tướng*” mới đi lên, còn “*có tướng*” coi chừng cũng đi xuống địa ngục. Chúng ta ngồi đây cũng vậy, nếu tướng lẳng thì tự động thân tâm nhẹ liền. Nên đôi lúc có người ngồi thiền một thời gian, tự nhiên thấy mình bay bay. Cái

này là hiện thực xảy ra chứ không phải là sai đâu. Họ không sai, vì lúc này tướng lắng rồi thì tự động thân này không còn thật nữa.

Mình thấy có thân thật là thấy bằng tướng. Một điều lạ kỳ là một khi tướng lắng rồi, dù mình có nặng 100 ký, mình vẫn thấy mình không có trọng lượng. Nếu chúng ta ngồi đây mà tướng lắng là gần như chúng ta không có trọng lượng nữa. Hoặc nếu chúng ta đang đi mà tướng lắng thì gần như chúng ta không còn trọng lượng để bước đi, mà gần như lúc nào chúng ta cũng giống như là một bao gòn, hay một cái gì đó khơi khơi trên mặt đất. Như vậy nếu còn tướng thì thấy còn nặng, còn đi xuống. Như trong Kinh Lăng Nghiêm nói là “*còn tình thì đi xuống, tướng thì đi lên.*” Lúc trước giảng đến đây chúng tôi cũng ngờ ngợ lắm. Nhưng bây giờ phải khẳng định là “*còn tình*” cũng xuống mà “*còn tướng*” cũng đi xuống luôn. “*Tướng*” không đi lên được đâu, vì còn “*tướng*” là còn nặng nề.

Cho nên chúng ta bị vướng vào bất kỳ cái gì thì chúng ta vẫn còn bị nặng. Như vướng vào “*thọ*” thì tiếp tục sanh tướng, mà còn vướng trong tướng thì còn có thân này. Một người khi hết tướng, họ sẽ rớt vào chỗ gần như là mất thân nhưng chưa mất hẳn. Chỉ khi công phu đủ tầm để có thể phá được sắc uẩn, thọ uẩn và tướng uẩn thì lúc đó mới hoàn toàn mất thân. Rõ ràng là nếu đi được ba bước, phá sắc uẩn, phá thọ uẩn, rồi đến phá tướng uẩn thì hành giả sẽ rớt vào cảnh giới định rất sâu.

Nhưng nếu chỉ ngồi để lắng tâm lắng tướng thì định không sâu. Hai cảnh giới định này khác nhau.

Nếu như chúng ta đã phá được sắc uẩn bằng công phu hành thiền của mình rồi thì cái thọ nơi thân này sẽ mất. Cảm thọ, cảm nhận sẽ mất đi và cái tướng theo đó được lắng đọng. Nếu cả ba cái này (sắc, thọ, tướng) đều mất đi, dẫn tới không thì chúng ta sẽ hoàn toàn mất thân tâm, lúc đó định sẽ rất sâu. Tới chỗ này thì có khả năng là có một số người có thần thông nhưng vẫn chưa giải quyết được sanh tử. Tuy vậy, họ vẫn lầm là họ có thể chứng Thánh ở đây và rất nhiều người lầm là họ đã chứng Thánh ở cảnh giới này nhưng mà không phải đâu!

Cho nên đối với đạo Phật, Đức Phật nói rất sâu về chuyện này. Đức Phật biết là một hành giả có thể ngồi yên nhập định một trăm năm, vì tướng lắng rồi, dù không hoạt động thân tâm này được nữa, nhưng đó không phải là chỗ của Thánh quả. Chỗ của Thánh quả là phải dứt được tướng và dứt hành ấm, thức ấm nữa. Tướng là cái gì đó khiến tất cả chúng ta còn bị nặng nề, khiến tất cả chúng ta thấy có, thấy không trong cuộc đời này. Khi còn tướng thì cái gì cũng thành có, thành không, chứ chúng ta chưa bao giờ thoát khỏi cái có, không và chuyện đầu tiên của tướng là “có” thân mình. Nếu tướng hết thì chúng ta sẽ thấy mất thân hoàn toàn, thấy thân hoàn toàn không còn trọng lượng và thấy tâm không còn nữa. Khi thân tâm này mất thì ngược lại thọ cũng mất,

nghĩa là cả ba (sắc, thọ, tưởng) sẽ mất, như thế chúng ta sẽ rớt vào cảnh giới không thân, không tâm, do tưởng đã thành không.

Khi những ý tưởng hiện ra mà chúng ta có thể nhận thấy được, nhận biết được thì đây là một tầng để chúng ta được nhận thấy, được nhận biết, chứ tưởng không phải là cái tối thượng. Cho nên, chúng ta còn nhiều ý tưởng thì phải thấy mình còn nhiều ý tưởng, ít ý tưởng thì thấy mình còn ít ý tưởng. Khi hết ý tưởng thì chúng ta vẫn thấy được chỗ rỗng lặng đang hiện ra mà không có ý tưởng. Người đang “*thấy*” kia không phải là cái tưởng thì mới thấy rõ được cái tưởng này. Chính người này mới đủ tầm thấy sâu hơn nữa là thấy tới được hành.

Trong lúc chúng ta còn quá nhiều tưởng, khiến cái thấy của chúng ta không đủ độ sâu, không đủ độ tinh tế để thấy tới chiều sâu là nguyên cái biển mênh mông của hành. Chúng ta chưa thấy được chỗ này. Vì chúng ta chưa từng vượt qua tưởng ấm nên chưa có khả năng thấy tới hành ấm. Trong Kinh nói người vượt hết tưởng ấm rồi thì thiên ma ba tuần và chư Thiên tìm hành giả cúng dường còn không ra. Một người định cạn mông, họ ngồi rồi tự động lắng tâm từ từ, cho tới khi yên tịnh. Lúc đó, họ cũng cảm giác thân nhẹ, tâm nhẹ, nhưng ý tưởng chưa hết. Ý tưởng chưa hết là từ đâu? Là từ cái hang ổ *hành ấm* vẫn còn. Hang ổ hành ấm này có thể sanh ra bọt tưởng ấm nổi trên mặt biển bất kể giờ phút nào nếu có

ngọn gió hay một duyên cảnh tác động.

Ví dụ như tất cả những hòn bọt đã bể hết rồi thì nguyên một mặt biển phẳng lặng hiện ra, nhưng nguyên mặt biển phẳng lặng này là nguyên cả hành ấm, cho nên chỉ cần gió lao xao là có bọt trở lại. Chỉ cần một tác duyên là nó sanh ý tưởng trở lại, không thoát được, nên mới gọi là chưa đủ lực định. Cho tới dần dần các tác duyên không còn động nữa, nghĩa là hành giả đã lắng sâu trong định rồi thì không còn bị động bởi các tác duyên bên ngoài nữa.

Thành ra tất cả những công phu hiện tại của chúng ta chỉ là đùa giỡn ở màng ngoài của tướng ấm, chứ chưa đi sâu được. Bất quá chúng ta phá vỡ được cái bong bóng bọt nổi trên mặt biển mà thôi. Ví dụ như là mình ghét bà này quá lâu năm nhưng giờ mình thấy thương bà quá, mình không ghét bà nữa. Dù cho không còn ghét thương nữa, nhưng cũng chỉ là bể hòn bọt khơi khơi trên mặt biển chứ chưa đựng gì tới biển.

Chúng ta phải thấy rằng, nếu đi sâu vào công phu thì rất nhiều người lầm lẫn ở chỗ tướng lắng này, họ tưởng là mình đã chứng Thánh hoặc đạt đạo, như vậy là chúng ta đã sai lầm. Đây là một điều mà người tu chúng ta phải để ý. Chứ nếu không, chúng ta chỉ mới lặng lặng được một vài ý tưởng rồi nghĩ là mình cao siêu lắm. Có những người đã lắng được tướng do lực của họ, họ cũng có thể áp chế được tướng, làm cho tướng lắng yên. Cái tướng của họ cũng có thể phát động thành một năng lực

kinh khủng chứ cái tướng này cũng không phải vừa đâu. Cho nên trong các môn khí công, họ vận khí, họ tưởng khí bắt đầu vào tay, vào người, rồi họ tưởng khí, hay họ tưởng năng lực đó bắt đầu ra tay, chưởng ra nghe một tiếng nổ ùng thì đó là năng lực của tướng.

Cho nên những người luyện khí công, những người xuất hồn đều là thành tựu được cái tướng. Có những môn thiên, vị thầy dạy học trò rằng: “Con ngồi đó lắng tâm, lắng tâm tới đoạn nào đó, hồn của con sẽ xuất ra đi gặp vị này hay vị kia và các vị đó sẽ dạy con cái này, cái kia”. Mình ngồi tưởng riết rồi một hồi mình cũng rời khỏi thân này thiệt, gặp đúng một người như vị thầy mình tả trước đây, chứ không gặp một vị khác được! Ví dụ vị thầy nói rằng: “Con sẽ gặp người đầu tiên có râu dài, tóc bạc, dáng cao đẹp, mặt hồng hào như vị tiên, mặc áo màu trắng” thì mình không thể tưởng ra một người mặc áo màu đen gặp mình được. Tại sao? Tại vì cái tướng thành tựu. Vị thầy đã mớm ý như vậy rồi, nên người đệ tử ngồi đó tưởng riết cho tới ngày nào gặp được người râu bạc, tóc bạc, mặc áo màu trắng thì vậy là đúng như vị thầy nói rồi, nhưng mà dù có gặp thì đó cũng là cảnh của tướng do mình dựng ra.

Vì vậy tất cả những gì mà mình thấy được, biết được, hiểu được, nhận định được thì đều là “*tướng*” của tướng. Dù có thấy ông trời thiệt thì cũng là tướng của tướng; tướng có thể làm ra tất cả mọi duyên cảnh.

Cho nên Đức Phật mà chúng ta có thể thấy được

là do tướng của chúng ta thấy, chứ Phật thiệt không thể thấy bằng mắt được. Phật thiệt thì không thể hiện thành hình tướng để cho cái tướng của chúng ta nhận được. Thật Phật thì không có tướng, mà không có tướng thì tướng không thấy nổi. Tướng chỉ thấy “*tướng có*” và “*tướng không*” thôi, còn cái Không Tướng thì tướng không thấy nổi. Cho nên cái Không Tướng mới là cái vượt ra ngoài cái tướng.

Khi một người đã có trí tuệ siêu thoát vượt ngoài tướng rồi, thì họ mới thấy sự thật hiện ra chính là Không Tướng. Còn chưa ra khỏi tướng thì chúng ta chỉ toàn thấy tướng không thôi. Thấy cái gì cũng là tướng, tướng như tướng voi thôi, chứ không hay ho gì. Nhận định là tướng, buồn thương giận ghét là tướng, vì mình tướng có tướng không. Cho nên bị vướng vào “*tướng có*” và “*tướng không*” là bị vướng vào tướng của tướng sanh. Khi học sâu vô các đoạn ở dưới trong bản Kinh này, chúng ta sẽ thấy Đức Phật nói không có sắc, không có không: “*sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác sắc*” thì đó là cái thấy vượt ngoài tướng.

Bây giờ chúng ta còn kẹt trong tướng nên thấy *sắc* là có và *không* là cái khoảng không có tướng, cái khoảng không có hình sắc, thì đó gọi là “*không*”. Tất cả những nhận định này đều là nhận định của tướng. Cho nên cái thấy biết ở đây là cái thấy biết của tướng. Tất cả chúng ta đang sống là bị kẹt trong tướng chưa ra được. Chúng ta không có cách nào vượt ra khỏi cái biết của

tưởng. Tưởng tức là “tri” là cái thấy biết trong cuộc sống này, là các nhận định đúng sai. Tuy nói cái thấy biết này là tâm thức, nhưng cái tri này còn ở trong tầng của tưởng, chứ không phải là cái khắp biết.

Khi học đạo chúng ta phải hiểu rõ, hiểu tường tận năm uẩn này, vì nếu như đối với năm uẩn này mà chúng ta không thấy hết, không hiểu hết, không nhận định cho đúng thì chúng ta vẫn bị lầm trong công phu. Khi lạng hết ý niệm, chúng ta nghĩ là mình công phu đã xong rồi, nhưng chưa xong đâu, chỉ là tạm lạng tưởng ấm mà thôi. Dù có nhập định ngàn năm cũng chỉ là lạng tưởng ấm thôi, chưa phải chứng Thánh, vì vẫn còn hành, còn thức. Hang ổ của hành ấm còn nguyên thì mầm mống sanh tử còn nguyên.

Tưởng ấm dệt vẽ ra đủ thứ chuyện trong đời sống của mình. Chuyện có nó cũng có thể tưởng thành không, chuyện không nó cũng có thể tưởng thành có. Tất cả những phiền lụy trong đời sống đều do tưởng vẽ ra hết. Nếu chúng ta còn có thể nghĩ đến một điều gì, tưởng tượng một điều gì, hoặc suy tưởng tới điều gì thì đó cũng là dạng của tưởng ấm. Nó có thể sanh ra hệ tư tưởng lớn để lý luận về một cái gì đó. Những triết thuyết và những triết luận trong cuộc sống này cũng đều từ tưởng ấm mà ra.

Có rất nhiều những mẫu chuyện về tưởng. Chúng ta có thể tưởng, vẽ ra tới ông trời, chứ không phải chỉ tưởng chuyện trần gian và rồi chuyện đó sẽ xảy ra

thật với mình. Hoặc ví dụ có một vị Thầy nào đó nói rằng mình có người âm theo, rồi mình tưởng mình có người âm theo thiệt. Khi mình ngồi một mình, mình nghe có ai nói chuyện bên tai rồi mình trả lời. Chỉ một lần như vậy thôi là đủ hư rồi, vì rõ ràng là có người nói chuyện cho mình nghe. Họ nói đúng câu đó và mình trả lời đúng câu đó, rồi sau lần đó, mình cứ đối thoại qua lại hoài, rồi quơ tay múa chân. Mình tưởng đối thoại có hai người, nhưng thực sự chỉ là cái tưởng của mình thôi. Thành ra những chuyện vẽ vờ đó chỉ là những chuyện của ý tưởng của chúng ta. Thực sự là trong cái thấy, cái nghe của mình hiện bây giờ, mình nghĩ đây là thấy, nghe bình thường, nhưng thực ra tất cả những thấy, nghe này cũng đều thuộc về tưởng.

Ví dụ có một người nam nhưng họ tưởng tượng mình là người nữ thì tất cả những hành động cử chỉ của người nữ hiện ra nơi họ. Lâu ngày người thanh niên này cứ tưởng mình là nữ, sau một thời gian anh ta cũng có thể trở thành nữ. Rồi các biểu hiện tay chân, giọng nói, tướng đi, thậm chí cả tư tưởng cũng là người nữ, nhưng đó chỉ là tưởng của người ấy dệt nên.

Có cuộc thí nghiệm về công phu của “*tưởng*” ở nước Anh, hình như vào năm 1979, được chiếu rõ ràng lên tivi. Người đó ngồi tưởng thanh kim loại trước mặt bị cong đi. Bất kỳ cái gì là kim loại đều phải bị cong dưới cái tưởng của ông ta. Tất cả kim loại ở chính nơi phát sóng truyền hình đó cũng đều bị cong hết. Kể cả cái

thanh kim loại của tivi cũng bị cong luôn. Người này dùng cái tướng lực của ông như vậy đó. Hoặc ví dụ như mình ngồi đây, mình không thích người bên cạnh, rồi mình tưởng họ đau bụng. Nếu mình có lực thì một hồi tự nhiên người đó bị đau bụng, gọi là tướng có lực. Như vậy, những người thô miên hoặc phù thủy đều có lực nội tâm rất lớn, và họ tưởng để cho người ta hành động theo cái tướng của mình. Họ cũng phải trải qua công phu thiền định tương đối sâu mới có thể có lực này.

Cho nên mọi chuyện xảy ra trong đời sống, mọi khổ vui của chúng ta đều là do cái tướng thành hình. Người ta chửi mình thì có gì đâu, nhưng mình tưởng một hồi rồi mình khổ, mình khóc, mình ức, mình tức. Tại sao? Tại vì mình tưởng mình là một nhân vật quan trọng nào đó, hoặc mình là một người có vị trí trong xã hội. Tự nhiên người ta tới, hạ bệ mình, không đặt mình ở vị trí cao nữa, khiến tự nhiên mình khổ. Hoặc mình là một người tương đối có uy tín trong gia đình, trong xã hội, tự nhiên gặp một đứa nhỏ đứng chê mình “bà là rơm là rác mà bà nghĩ bà là người quan trọng”. Tự nhiên mình ức, mình khóc. Vì nó phá đi cái tướng của mình, trong khi mình nghĩ mình là thế này thế kia.

Chính bản thân tất cả chúng ta có mặt trong cuộc đời này, chúng ta cũng nghĩ mình là nhân vật này, mình là nhân vật kia. Mình nghĩ thân này, tâm này là của mình. Đó cũng là do tướng sanh ra. Dần hồi chúng ta chấp trước, đóng khung mình ở một vị trí nào đó. Cuối

cùng, nếu người ta nói khác với vị trí mình đang có, người ta không hiểu là mình đang ở vị trí đó nên mình khổ. Ví dụ như mình là “*người trí thức*,” “*người học thức*” mà người ta lại chê mình. Tất cả những điều đó đều là cái đặt định của ý tưởng, nên khi người ta phá vỡ thì mình thấy khó chịu. Đó là những cái thuộc về tưởng thôi. Như chuyện có biến thành không, chuyện không biến thành có, chuyện nhỏ biến thành lớn, chuyện lớn biến thành nhỏ... tất cả những cái đó đều là do cái tưởng của chúng ta hết.

Những chuyện trong cuộc sống này mình nghĩ nó là thiệt. Như người ta nói chuyện với nhau, mình nghĩ là thiệt nhưng đó chỉ là cái tưởng thôi. Tưởng này là ảo tưởng, thực chất cái thân này là ảo tưởng, tâm này là ảo tưởng, đời sống này là ảo tưởng, cho nên chúng ta nhận thấy mình có thân là nhận tưởng. Mình thấy nó là thiệt tức là nó thiệt với cái tưởng, chứ nó không phải là thiệt với cái chân thật. Cái “*chân thật*” thì hoàn toàn khác. Cái thật và cái giả của thế gian này đều là từ cái ảo sanh ra. Những đúng sai, hay dở, còn mất, có không, tịnh nhiễm, phải quấy, cao thấp trong thế gian này là đều do tưởng sanh ra. Khi nào mình còn thấy đúng sai, còn thấy hay dở, đó là “*cái thấy của tưởng*”. Nhưng *cái thật* thì không có đúng sai, hay dở, không có trong ngoài, trên dưới, cao thấp. Cho nên chúng ta đang bị rớt vào tưởng và chúng ta bị kẹt trong cái tưởng mà chúng ta không ra được.

Mình nghĩ rằng những suy nghĩ, những tư tưởng

kia là “*mình*” thì chính “*cái nghĩ*” đó cũng là tâm tưởng của mình. Cho nên cái tưởng gần như bao hết cuộc sống của chúng ta. Những hiện tượng xảy ra trong đời sống này mà chúng ta thấy thật, thấy giả, thấy có, thấy không thì đều là tưởng. Tưởng dệt vẽ lên cái ảo trong đời sống này chứ không phải là cái “*thật*”. Nên khi cái chân thật hiện ra là tất cả những cái tưởng này biến mất. Tưởng này biến mất là thân tâm này biến mất, những hiểu biết, tri thức cũng biến mất và nó chỉ *hiện tiền hiện thực* là sự rỗng lặng thanh tịnh. Nó là sức sống rất thanh tịnh, rất vi diệu. Cho đến giờ phút này, loài người chúng ta chưa đủ sức để hiểu “*ý tưởng*” một cách sâu sắc. Cho nên tất cả chúng ta đều “*lầm tưởng*”. Ở đây chúng ta có thể dùng từ là “*lầm cái tưởng*” và cả đời sống này là một sự “*lầm lẫn của ý tưởng*”.

Vì vậy, khi đã hiểu biết rồi thì chúng ta sẽ thấy dù là người thông thái hoặc ù lì, người bình thường hoặc người cao trọng trong xã hội, họ cũng đều đặt định chính họ bằng cái tưởng. Nhưng thực sự là không có gì cao thấp hết! Đối với cái nhìn của một người sáng mắt thì không có gì cao thấp, chỉ có hoặc là đúng với sự thật, hoặc là sai với sự thật. “*Sự thật*” ở đây là đang muốn nói đến Thật Tướng là Không Tướng của vạn pháp, chứ không phải là một sự thật tương đối trong vòng đối đãi nhị nguyên. Cho nên đúng với sự thật thì thoát khỏi ảo tưởng, còn sai với sự thật là chấp nhận ảo tưởng.

Sở dĩ chúng ta được xem là “*bị mê*” là do chúng

ta bị lầm trong ý tưởng của mình, chỉ vậy thôi! Ngày nào chúng ta không lầm trong ý tưởng của mình nữa thì sẽ mất thân, mất tâm, khi đó, hoàn cảnh sẽ hoàn toàn không còn dính mắc với mình nữa. Cho nên đối với mọi sinh hoạt của đời sống này, khi nào chúng ta chưa thấy được tới cái tận cùng là Không Tướng thì xem như chúng ta vẫn còn rớt vô tướng. Cho nên tưởng rộng lắm, chứ không có đơn giản đâu.



Hành uẩn

“*Hành uẩn*” là hang ổ dựng lập ngã chấp của mình. Mình thấy có “*mình*” khác với mọi thứ xung quanh. Tại sao mình thấy có mình? Trong mười hai Nhân duyên có nói đến vô minh, vô minh duyên hành. Vô minh không phải là cái tối đen, mà vô minh chính là không thấy được hiện thực thanh tịnh, rỗng lặng, hiện hữu này thì đó gọi là vô minh.

Như hiện tại chúng ta đang thấy, đang nghe thì đây xem như là chúng ta đang vô minh. Nhưng mắt thấy hình sắc, tai nghe tiếng, làm sao gọi là vô minh? Vì mắt thấy hình sắc là rớt xuống tướng, tai nghe âm thanh là rớt xuống tướng, thấy có đúng có sai là rớt xuống tầng sâu của tướng ấm rồi. Ngay nơi hiện tiền chúng ta không nhận ra được cái hiện thực, hiện hữu, thanh tịnh, sáng suốt là trí Bát Nhã thì chúng ta đã rớt xuống tầng vô minh. Thành ra, từng khoảnh khắc hiện ra trong lúc này, nếu chúng ta không đủ sức để có thể hòa nhập vào “*Tự Tánh thanh tịnh*”, không đủ sức để hòa nhập vào trí “*Bát Nhã hiện tiền*”, không thấy tất cả các hiện tiền đều là Bát Nhã thì chúng ta rớt xuống tầng sâu của vô minh.

Cho nên vô minh không có nghĩa là cái đen tối. Đương nhiên vô minh là sự tăm tối, nhưng sự tăm tối ở

đây có nghĩa là *không nhận chân được chân lý hiện hữu, hiện tiền, hiện thực này*. Nếu như trong phút giây nào đó, tất cả các hành giả đều nhận được, đều thấy rõ hiện tiền này chính là Bát Nhã thì chừng đó chúng ta thoát khỏi vô minh. Hiện hữu này chính là Bát Nhã, mọi động dụng trong đời sống này chính là Bát Nhã. Bát Nhã sinh ra tất cả các động dụng cho nên tất cả các động dụng này chính là Bát Nhã. Khi nhận được như vậy, thấy rõ như vậy thì chừng đó chúng ta thoát khỏi vô minh.

Như vậy nghĩa là vô minh không có duyên vào đâu hết, tại vì Bát Nhã chỉ là hiện tiền. Cho nên thấy cái gì cũng là hiện tiền, khoảnh khắc này cũng là hiện tiền, khoảnh khắc kế cũng là hiện tiền và hiện tiền là hiện thực rỗng rang, thanh tịnh, thông suốt, tỏ soi không có bất kỳ sự lầm lẫn nào. Tưởng cũng như hành và thức đều bị biến mất trong hiện tiền rõ soi này thì cái thấy đó chính là Bát Nhã. Còn bây giờ chúng ta không đủ sức này nên thấy có, thấy không, thấy hay, thấy dở, thấy có hình sắc, nghe có âm thanh là chúng ta rớt xuống tầng sâu của vô minh rồi, cho nên mới có đến hành.

Vì chúng ta thấy sai lệch, thấy sai lầm, nên chính cái sai lầm này sẽ dẫn khởi tới cái sai lầm khác và muôn ngàn cái sai lầm sẽ hiện ra. Sai lầm không phải một cái thấy, một cái nghe, mà trong một sát na có hằng hà sa số cái sai lầm của chính mình. Nó không bao giờ tạm dừng.

Từ một cho tới nhiều, tất cả mọi cái đều bị cuốn hút và đều hình thành từ những chủng tử đầy ắp trong

tâm thức của mình. Những sai lầm này sẽ là mầm mống sanh sai lầm mới, rồi những sai lầm mới lại là mầm mống cho những sai lầm mới khác, tạo thành nhân thành quả liên tục. Những tương tục đó càng lúc càng đầy ắp nơi tâm mình thì đó được gọi là hành. Hành là sự vận hành mãnh liệt, chứ không phải chỉ tương tục một cách bình thường ở nơi tâm chúng ta nữa.

Khi nhìn xuống biển mênh mông chúng ta thấy có một ít hòn bọt cập bờ, hoặc khơi khơi giữa biển có những chòm bọt thì những chòm bọt đó được ví là tướng. Trong Kinh nói một chớp mắt của chúng ta có 20 đại niệm; mỗi đại niệm có 16.798.000 lần sanh diệt, như vậy chỉ trong một chớp mắt là trùng trùng hàng tỷ tỷ niệm. Như bây giờ khi mình ngồi đây và vừa mới thấy một ý niệm xảy ra, một ý niệm vừa hiện ra thì đó là nó đã rớt thành tướng rồi. Còn hành thì không hiện nguyên thành một niệm, giống như trong nguyên đồng lúa thật to thì có vài hạt nảy mầm sanh ra cây lúa. Đó chỉ là một hai hạt thôi. Một phần tỷ của hành mới sanh ra tướng. Tướng là một phần tỷ lũy thừa tỷ tỷ tỷ của hành, nên nó là cái gì rất rất nhỏ.

Cho nên cái mà chúng ta đang thấy, đang biết, nó rất nhỏ nhiệm. Những kiến thức thế gian chỉ bằng một phần tỷ lũy thừa tỷ tỷ tỷ của hành. Thành ra các nhà khoa học nay phát hiện cái này, mai phát hiện cái kia, những hệ tư tưởng được sanh ra thì nó là cái gì rất nhỏ, nhỏ lắm so với hành. Khoa học không giải mã nổi một

ADN của cơ thể con người, trong khi con người có hàng triệu ADN như vậy. Họ không đủ tư liệu viết được một phần tử của ADN cơ thể chúng ta.

Hành sanh ra tưởng, chính hành ẩm gắn kết chặt chẽ với ADN của cơ thể con người, nên não bộ ADN thông minh gấp một tỷ lũy thừa tỷ bộ não này của chúng ta. Những suy nghĩ suy lường của chúng ta rất nhỏ so với não bộ của ADN, não bộ của ADN thì kinh hoàng lắm! Các nhà khoa học tới giờ phút này vẫn không đủ sức để có thể giải mã toàn bộ được một ADN. Ví dụ nói đến chuyện dòng tộc, người cha có ADN đó thì người con cũng chỉ phát được cái mã tương ứng với một phần rất nhỏ nhiệm trong ADN, để cho thấy nếu là cha con ruột thì có một cái gì đó tương ứng với nhau. Họ không giải thích hết được, chỉ biết là có cái gì đó rung động, phát sóng ra, tương ứng một chút xíu thôi. Tới giờ phút này cơ thể con người là cái gì rất huyền diệu, mà khoa học không đủ sức nói hết được một ADN. Thấy được sinh hoạt của một tế bào thôi là một điều cực kỳ phức tạp, mà khoa học không giải thích nổi, chỉ diễn dịch là dịch nội bào, dịch ngoại bào gồm có natri, magie (ma nhê), kali, canci (can xi). Khi dịch nội bào này thiếu hụt natri hoặc magie thì sanh ra những rung động ảnh hưởng tới sóng não của mình, khiến những suy nghĩ của mình bị lệch lạc, nhưng đó chỉ là nghiên cứu bề ngoài.

Sở dĩ mình suy nghĩ bị lệch lạc là từ hành ẩm, chứ không phải lệch lạc từ cái đầu này của mình. Hành

Ấm phát những tín hiệu, rồi tướng ấm nhận nhưng không chính xác. Tướng ấm là con đẻ của hành ấm và não bộ là con đẻ của tướng ấm. Tức là tướng ấm là sản phẩm của hành ấm, còn não bộ là sản phẩm của tướng ấm, nên ông cố nội của mình là hành ấm mới sanh ra cha mình là tướng, rồi mới sanh ra mọi sự nói năng, sinh hoạt trong đời sống này là mình. Mình là sản phẩm cuối cùng. Những hoạt động, nói năng, đi đứng, buồn thương giận ghét của mình là những sản phẩm cuối cùng, được sanh ra từ tướng ấm, và tướng ấm được sanh ra từ hành ấm, cho nên hành ấm là hang ổ, là nguồn cội để có thể sanh ra sự sống này.

Với cái nhìn của Phật giáo thì chúng ta tìm ra được nguồn cội này. Như với những người đi sâu vào thiền định, họ thấy được chỗ sanh khởi của hành ấm, là chỗ sanh ra tướng, rồi tướng mới sanh ra đời sống. Nếu tướng hết thì ngay đó mình không thấy thân tâm này nữa. Nghĩa là mình thấy có thân này nhưng nó hoàn toàn không có trọng lượng nữa. Tướng ấm làm cho chúng ta nặng trĩu, làm cho chúng ta thấy có mình, có thân này bao nhiêu ký, có tâm này, có tay đưa lên, có tay để xuống, tất cả đều là tướng.

Còn hành ấm thì tạo thành ý chí để sanh khởi các ý tướng này. Ví dụ, nếu nói mình phải ngồi đây một tiếng đồng hồ thì mình ngồi không nổi, nhưng năng lực hành ấm sử dụng ý chí khiến chúng ta ngồi được ở đây suốt một tiếng đồng hồ. Việc ráng ngồi, sự cố gắng đó

chính là hành. Có người trong chiến trận bị thương, đáng lý họ không còn sức để đi nữa, nhưng họ ráng lê lết thân về chỗ của mình, vừa có người thấy là họ xỉu. Cái ý chỉ mang thân tàn về tới nhà đó là hành ấ.

Tất cả những sự cố gắng dựng lập để duy trì bản ngã ở bề sâu bên trong chính là hành ấ chứ không phải tướng. Tướng ấ chỉ thực hiện cái gì phát ra từ hành ấ, nhưng ý tướng rất chậm chạp, mong manh nên không giải hết những tín hiệu được phát ra từ hành ấ. Vì không giải được tín hiệu đó cho nên nó bị mù, nó không thấy được tận gốc của hành ấ. Có rất nhiều người nói họ thấy hành ấ nhưng đó là lối nói không hiểu biết. Vì nếu không trải qua một giai đoạn định sâu thì không đủ trí thấy được hành ấ. Muốn thấy bề mặt hành ấ thôi thì cũng phải trải qua một lần thiền định rất sâu.

Bình thường mình nói tới hành ấ để tạm có khái niệm hiểu biết thôi, chứ chúng ta hoàn toàn không đủ trí, không đủ lực, không đủ sức thấy được hành ấ. Chư Thiên còn không thấy nổi hành ấ, thiên ma ba tuần còn không biết đường mò. Khi chúng tôi giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm đến đoạn vượt qua tướng ấ, thì ở đây ngũ ấ không phải là “ngũ ấ ma” mà đây là năm mươi cảnh giới tu chứng của một hành giả. Khi hành giả đã chứng đạt, đã vượt qua tướng ấ rồi thì thiên ma ba tuần không thể thấy nổi. Chư Thiên muốn cúng dường hành giả này cũng không được vì họ tuyệt đối không còn

nữa, họ đã mất bóng trong trần gian này.

Thành ra có những câu mật chú khi sử dụng sẽ làm lảng tưởng ấm, cho nên người ngồi bên cạnh không thấy thân xác mình. Có những chú biến thân bây giờ vẫn có nhiều người sử dụng. Các mật chú này có tác động làm lảng được tưởng ấm rất nhanh, khiến người ngồi bên cạnh không thấy được mình, nhưng đó chỉ là cách để giải quyết cái tưởng thôì, còn hành là cái gì đó rất rộng lớn mênh mông. Một hòn bọt sóng giữa đại dương mênh mông là tưởng, còn đại dương kia là hành. Vậy chúng ta tưởng tượng mình muốn phá hành ấm này có dễ hay không? Tất cả những hơn thua, chống đối, lấy bỏ của mình đều thuộc về tướng của tưởng. Có tướng tưởng hoặc không có tướng tưởng thì nó chỉ là bề ngoài, là mặt nổi của cái biển mênh mông kia, còn hành là một cái gì đầy ngập trong đó.

Khi năng lực của hành phát động thì chúng ta cũng không thể tưởng nổi. Thành ra khi một người đã hết tưởng ấm và tác động được đến hành ấm thì gần như họ có thần thông. Có những người trong giấc ngủ, họ chìm quá sâu trong vô thức, có nghĩa là tưởng lảng quá sâu thì lúc đó hành phát động, nên họ đi trên vách tường như đi trên đất, thậm chí đi chân trên trần nhà, đầu thông xuống mà không té. Họ muốn bay nhảy như con chim là chuyện bình thường vì họ hết tưởng vào lúc đó rồi, họ mang cái thân ra xài giống như thân con chim.

Chúng tôi cũng nhớ khi xưa có một anh bạn

trong xóm, nửa đêm ngủ mộng du, khi mộng du rồi thì phóng vọt ra ngoài nhà dù nhà đang đóng kín cửa, y như một con chuột chui qua cái lỗ. Cả gia đình mở cửa rượt theo. Anh ta bay qua mương như con chim bay, bay đã rồi anh ta vòng về, chui tọt vô mùng nằm ngủ trở lại. Đối với những người mộng du thì chúng ta không tưởng tượng nổi vì họ cũng y như có thần thông.

Có một câu chuyện chúng tôi cũng hay kể vào thời Tây thuộc. Ở miền quê khi Tây ruồng bố, thứ gì họ cũng lấy. Có một bà cụ 80 tuổi nghe người ta kêu: “Tây ruồng bà hai ơi!” Thế là bà phóng vô chuồng heo, ôm con heo tạ mấy phóng ra khỏi chuồng. Chạy một đoạn mệt quá ngã quỵ, chính bà cũng không hiểu vì sao mình ôm được con heo tạ mấy. Đó là năng lực của hành ấm.

Lại có ông kia nghe nói Tây ruồng bố, ông chạy quỳnh quáng không biết đường để chạy nữa, vì người Tây thấy là họ bắn. Gần đó có bụi tre gai, ông phóng vô đó trốn, tới hồi mọi việc xong rồi, ông sức tỉnh mới thấy gai đầy xung quanh mình, nhúc nhích không được, la làng kêu hàng xóm. Người ta phải cắt gai tre để từ từ lôi ông ra. Khi hành ấm phát động, là người ta làm tất cả những chuyện vượt ngoài sức tưởng tượng của mình, lúc đó tưởng không hoạt động kịp.

Lúc bất ngờ hành ấm xuất hiện, tưởng ấm không kịp làm gì cả. Cái gì nhanh nhạy thì thuộc về hành, cho nên đối với những câu đối đáp của Thiền sư Trung Hoa, khi các Ngài nói và trả lời rốp rốp không

qua suy nghĩ của tướng ấm thì đó là sự phát động của hành ấm. Khi các vị đã lướt qua được tầng của tướng ấm rồi thì vật chất không đủ khả năng ngăn cản họ.

Những cái gì nhanh nhạy, lanh lợi và chính xác đều phát động từ hành ấm. Cho nên trực giác của chúng ta thuộc về hành ấm. Khi chúng ta nhìn một người, biết họ là tốt hay xấu mà không thông qua ý tưởng phân tích thì đây là thuộc về hành ấm. Còn dựa vào ý tưởng phân tích thì sẽ nhận xét để thấy người này tướng như vậy, mắt như vậy, tai như vậy, giọng nói như vậy, nét mặt như vậy ... là biểu hiện gì, thật hay không thật thì tướng phân tích cả một buổi như vậy mới xong, nhưng hành ấm phớt qua là biết người này như thế nào, biết sâu rất sâu bên trong. Những cái gì sâu sắc, mạnh mẽ, nhanh chóng, nhạy bén, chính xác, tinh tế trong đời sống này đều thuộc về tầng của hành ấm.

Khi chúng ta bớt đi vọng động thì tự nhiên mình thông minh ra. Ví dụ người ta hỏi mình một câu, mình trả lời liền không suy nghĩ thì đó là hành ấm. Hoặc có những công việc mà chúng ta giải quyết rất nhanh chóng trong khi người kia suy tính cả buổi không ra. Khi họ hỏi mình thì mình trả lời liền không cần suy nghĩ mà lại chính xác vì mình không thông qua tướng ấm, không thông qua khuôn sáo, không thông qua kiến thức, ký ức, học hỏi, không so đo, không tính toán, không cân nhắc, khiến cho cái thấy trở nên chính xác. Cái thấy này được gọi là trực giác của mình. Tỉnh thoảng tướng của mình

lãng thì trực giác hiện ra. Đó là trí phán đoán của chúng ta nhưng nó vẫn ở trong tầng của hành ấm.

Cho nên hành ấm là cái gì đó rất sâu; nó phát động khiến chúng ta không thể lường trước được. Trong đạo có những vị từng một lần vượt qua hành ấm, xem như đã một lần “*ngũ uẩn giai Không*” thì cách nói năng của họ không cần suy nghĩ vì đã vượt qua được tầng của tướng. Họ không cần xài tướng nữa vì cội nguồn của hành ấm là vô tận. Kho tàng hành ấm là vô tận.

Nếu trong giai đoạn chúng ta chưa đủ trí vượt qua hành ấm thì tất cả những điều đó trở thành tướng của mình, nó chậm lụt, nhỏ nhiệm. Nhưng khi chúng ta vượt qua tướng ấm rồi thì chúng ta không bao giờ xài hết nguồn năng lực của hành ấm. Khi đó, chỉ một tế bào của mình thôi cũng đủ phát sáng cho chúng ta xài tới muôn đời, chứ đừng nói đến chuyện xài hết toàn bộ các tế bào trong cơ thể. Một sát na của hành ấm đủ để phát động tất cả các sinh hoạt đời sống của chúng ta. Thành ra tất cả những ý tưởng này trở thành lực để duy trì, bảo tồn, sinh sôi sự sống này và để hình thành sự sống mới. Đó là hành ấm chứ không phải là tướng.

Đời sống của chúng ta xuất phát từ nguồn của hành ấm. Nhưng đâu có dễ gì chúng ta thấy được hành ấm. Nếu một lần chúng ta thấy được hành ấm là thấy tới tận nguồn sanh tử. Khi nào thấy tận nguồn sanh tử thì lúc đó chúng ta mới phá được hết hành ấm. Cho nên đối với hành ấm, không phải là do chúng ta công phu, không

phải chúng ta cứ ngồi tưởng tượng “*ngũ uẩn giai Không*” là chúng ta sẽ diệt hết được, không phải là như vậy. Tất cả những sinh hoạt đời sống của chúng ta, gồm có căn trần tiếp xúc với nhau, rồi thức phân biệt so sánh v.v... thì giống như mặt na thức lấy để vào trong kho. Hành ấm dung chứa chủng tử nghiệp thức tương đương với a lại da thức. Nếu nói về Duy Thức học thì hành ấm gần giống như vậy, hành ấm có thể dựng lập không phải một đời của mình, mà nó đủ sức sắp xếp hàng hà sa số kiếp của mình.

Cho nên khi chúng ta nói đến chuyện nhập thai, tức “*vô minh duyên hành*” thì phút chốc chúng ta bỏ xác thân này, mình vẫn còn nguyên sắc, thọ, tưởng, hành và còn nguyên thức. Trong giai đoạn còn sống thì gọi là thân trung ấm thứ nhất, qua đến giai đoạn sau khi xả thân này thì gọi là trung ấm thứ hai. Lúc đó, thân trung ấm sau khi chết cũng hiểu biết, cũng phân biệt, cũng buồn thương giận ghét, cũng nhận định vui buồn không khác như thân chúng ta bây giờ. Gần như không có một mảy may thay đổi, chỉ có một điều là chúng ta không còn mang cái thân 50 ký này nữa thôi. Lúc đó chúng ta hoàn toàn không khác gì bây giờ.

Khi gặp những chuyện buồn, mình nghĩ muốn chết quách cho hết buồn nhưng không có hết đâu! Vì sau khi chúng ta tự vận rồi, khi ấy chúng ta mới thấy là mình vẫn còn nguyên như cũ, cho nên không có cách nào trốn được nỗi buồn này. Chúng ta thương ai, nhớ ai, phiền ai,

hận ai thì nó lại còn càng rõ nét hơn sau khi tự vận chết. Vì bây giờ chúng ta còn mang thân vật chất thì những khổ vui bị thân vật chất này che mờ đi một chút, nhưng một khi rời thân vật chất này rồi thì mọi cái sẽ càng hiện ra rất rõ ràng.

Chúng ta bị kẹt trong thân ngũ uẩn không cách nào ra được, muốn hết khổ cũng không cách nào. Không giải quyết được cái khổ nếu không giải quyết được thân ngũ uẩn này, cho nên Đức Phật mới nói ngũ uẩn phải là Không mới qua hết khổ ách. Chúng ta đang bị kẹt trong cái thân này, nên sống và chết của đời người chỉ là sự thay đổi của thân sắc uẩn thôi, chứ nó không nói lên ý nghĩa gì khác biệt. Bao nhiêu nhân quả nghiệp báo, bao nhiêu tình thương, bao nhiêu nỗi hận đều chứa đầy trong hành ấm. Hành ấm dung chứa tất cả chủng tử mầm mống sanh tử. Bao nhiêu chủng tử sanh tử đều nằm trọn trong hành ấm. Hằng hà sa số kiếp xảy ra trong quá khứ và hằng hà sa số kiếp chuẩn bị hình thành tương lai, đều chứa trong hành ấm nên đâu dễ gì phá. Cho nên dù nhập định trăm năm vẫn bị sanh tử, vì chưa phá được hang ổ hành ấm. Đó là chuyện thật kinh khủng.

Bây giờ chúng ta nhắc lại đến chuyện “*vô minh duyên hành*” để thấy là chúng ta bị kẹt ra sao. Chúng ta không có cách nào để ra khỏi được thọ, tưởng, hành, thức. Không ai có khả năng ra được, dù chúng ta có niệm Phật, trì chú thì cũng không ra khỏi hành ấm. Chúng ta không vượt qua được cái này trừ trường hợp làm sao

cho hành và thức đều thành Không thì mới ra được. Có nghĩa là ngũ uẩn chưa thành Không thì không ai ra khỏi sanh tử. Đừng có tưởng và đừng có mơ, nhưng rất nhiều người mơ tưởng là tôi chỉ cần niệm Phật mấy câu thôi là sẽ được sanh về cõi Phật để hết sanh tử. Đó là mơ mộng thôi chứ thực thì không phải. Chúng ta phải tu như thế nào đó cho “hết” ngũ uẩn để ra khỏi sanh tử thì đó mới là thật. Đây là điều chính yếu Đức Phật đã dạy.

Đức Phật đã nói rõ ràng, nếu ngũ uẩn chưa Không thì khổ ách vẫn còn nguyên. Cho dù chúng ta có bỏ thân này thì ngũ uẩn “mới” cũng sẽ hình thành. Đó là một loại sắc chất không trọng lượng nhưng nếu có thể cân đo đong đếm được thì nó vẫn hiện ra. Vì sao? Cũng chính vì do cái tưởng này. Vì khi mình bỏ thân này thì cái tưởng nó vẫn tiếp tục tưởng mình là ông A. Tưởng ấy sẽ “chụp hình” mình khi mình rời khỏi thân này và mình mang cái tướng này của ông A đi vào cõi giới kia. Thân trung ấm của chúng ta sau khi chúng ta lìa đời vẫn sẽ tiếp tục là ông A, có hai tay, hai chân, có đầu bình thường như mình. Đó là do tưởng đã hình thành ra con người “mới” ở cõi giới âm. Con người đó vẫn đầy đủ tình cảm buồn, thương, giận, ghét, vẫn đầy đủ tất cả những kiến thức mà chúng ta đã huân tập đời này, thậm chí nó còn xài cả những đoạn đời khác nữa.

Khi chúng ta còn sống thì thân này là từ cha mẹ sanh ra, nên mình chỉ xài đoạn đời mà não bộ ghi nhận được. Nhưng khi mình không xài thân này và không xài

cái đoạn mà não bộ ghi nhận trong lúc sống nữa thì mình sẽ xài xuyên suốt tới những đời trước. Lúc đó chúng ta sẽ thấy cái tướng và sự ghi nhận của mình trong khoảng 80 năm cuộc đời này là một tập phim, coi như là tập một. Còn tập hai là đời kế tiếp. Khi bỏ thân này thì cái thấy biết của mình sẽ xuyên thấu mà không bị vướng kẹt. Lúc đó chúng ta sẽ thấy người kia chơi khăm mình cách đây năm đời và đang sống ở đâu. Khi đó chúng ta sẽ thấy hết. Không có thứ gì mà chúng ta không nhớ, cho nên những buồn, thương, giận, ghét lúc đó sẽ lộ tướng ra rõ hơn cả bây giờ. Bây giờ chỉ là ý tưởng thôi, nhưng lúc đó là tất cả các hình tướng đều được hình thành. Họ chém mình kiểu nào, mình bị đứt mấy sợi gân, mình đau ra làm sao, mình ra máu kiểu gì, mình chết thế nào cách đây mấy đời về trước, bây giờ người đó đang ngồi đó kia. Lúc đó mình sẽ thấy rất rõ như vậy đó.

Khi bỏ thân này thì chúng ta thông minh gấp bảy lần bây giờ, mà ngay cả muốn nói bảy trăm lần cũng được. Mọi thứ đều sẽ rõ ràng, những chuyện đã xảy ra trong sanh tử sẽ trở thành xuyên suốt trong cái thấy biết của chúng ta chứ nó không bị ngừng ngắt ở đoạn nào cả. Ngược lại, bây giờ trong đời sống này của chúng ta thì cái thấy biết bị ngừng ở một đoạn, vì tới khi chúng ta bốn tuổi, não bộ mới bắt đầu ghi nhận. Trước bốn tuổi thì nó vẫn trống vì cái ghi nhận của chúng ta chưa hoạt động, nên chúng ta bị mờ ở đoạn đầu.

Sau khi chúng ta rời thân trung ấm để nhập vào

thai thì qua thiên định, chúng ta có thể thấu suốt giai đoạn mù mịt ở trong thai. Khi còn ở trong giai đoạn thân trung ấm thì các sinh hoạt của đời này vẫn còn nguyên và chúng ta sẽ bắt đầu nhớ lại hết các sinh hoạt này bắt đầu từ không tuổi, rồi từ một tuổi trở đi v.v... Chỉ cần mấy cái chớp mắt là chúng ta sẽ biết hết nguyên cả đời đã qua, cũng mấy cái chớp mắt là chúng ta biết đời trước mình là ai, mình tu cỡ nào, công phu mình tới đâu. Mình sẽ bắt đầu biết hết những điều đó. Vì vậy, những nghiệp nào mạnh nhất, gần nhất thì nó hiện ra trước; còn những gì liên quan tới đoạn nhân quả để hình thành sanh tử của đời sắp tới thì hành ấm sẽ bắt đầu tính toán. Thật sự nó cũng không tính toán gì đâu; nó siêu xuất đến mức độ không có máy vi tính nào gom dữ liệu nhanh bằng hành ấm.

Ví như mình chuẩn bị để hình thành đời mới thì nhân quả đầu tiên lúc một tuổi của đời mới đến từ chuyện đã xảy ra cách đây tám đời. Chuyện sẽ xảy ra vào lúc hai tuổi đến từ nhân quả đã xảy ra cách đây năm trăm đời. Chuyện sẽ xảy ra vào lúc ba tuổi đến từ nhân quả đã xảy ra cách đây mấy tỷ kiếp. Chuyện sẽ xảy ra khi hai mươi tuổi đến từ nhân quả đã xảy ra cách đây khoảng một ngàn kiếp.... Nghĩa là diễn tiến nhân quả trong đời mới không có thứ lớp. Tất cả những đoạn tư tưởng nhỏ đó được hành ấm gom lại để hình thành đời sống mới của mình chỉ trong một chớp mắt. Nó nhanh đến mức độ như vậy! Cho nên hành ấm là cái gì vượt

không gian, vượt thời gian, vượt tất cả vật chất. Vì thế, có những người mộng du đi trên dây điện như con chim mà không bao giờ bị điện giật, vì lúc đó họ sống trong hành ẩm.

Như vậy có nghĩa là khi còn thân trung ẩm, người đó vẫn còn xài cái tướng. Hành, thức tuy cũng vẫn còn nguyên đó nhưng họ không dùng xài hành ẩm được. Đây là chuyện rất hay của sanh tử. Tướng này sẽ dẫn khởi đời sống của thân trung ẩm đi lại tự do trong thế giới không vật chất thô. Thật ra, nói không vật chất cũng không đúng, vì thân trung ẩm lúc đó cũng là dạng vật chất nhưng là vật chất tế. Nó được đi lại tự do ngoại trừ tòa Kim Cang của Đức Phật ngồi và tử cung của bà mẹ là nó không thể xuyên qua được, nhưng tất cả mọi cái khác thì nó đều đi xuyên qua được, giống như nó có thần thông. Sau khi chết thì mình đi tới đi lui tự tại, không cần tốn tiền vé máy bay mà vẫn có thể đi du lịch một cách thoải mái. Còn nhanh hơn máy bay nhiều vì chỉ cần một niệm tưởng thôi là chúng ta đã tới Mỹ rồi.

Thành ra đâu phải chết là hết, chết sướng hơn bây giờ nếu chúng ta không “*bị tội*”, nhất là nếu chúng ta đủ hiểu biết và đủ bình tĩnh vào giai đoạn cuối cùng. Lúc chúng ta vừa bỏ thân mạng thì các nghiệp thiện ác sẽ ùn ùn kéo tới. Nếu chúng ta đủ định tĩnh trước những nghiệp thiện ác ùn ùn này, để những khối nghiệp này khi ập vô tới mình là tự tan biến, lúc đó một bầu trời mệnh mông sẽ hiện ra là chúng ta bắt đầu tự do. Chỉ sợ lúc

nghiệp thiện ác ùn ùn tới là mình bị cuốn trôi mất rồi, không còn biết mình đang đứng đâu. Đó là lúc nghiệp cuốn chúng ta. Dù sự cuốn hút của nghiệp thức khi đó có dẫn chúng ta đi đâu thì hành cũng đã làm việc xong hết rồi.

Cho nên, lúc chúng ta vừa rời thân xác thịt này thì trong một đoạn rất nhanh tất cả nghiệp thiện ác hiện ra, xong rồi chúng ta sẽ bình tĩnh trở lại. Chúng ta sẽ bình thường trở lại nhưng sự định hướng của nghiệp tập vẫn dẫn chúng ta đi chứ không dừng. Mình dùng từ “*dừng*” nhưng thực sự không phải mình dừng như mình đang bình tĩnh, đang ngồi như thế này đâu. Nếu chúng ta không có thiền định thì không còn đủ định tĩnh để ngồi như bây giờ.

Bây giờ để hiểu hơn về đoạn này trong thân trung ấm, mình thử tưởng tượng mình là người bình tĩnh không bị nghiệp thiện ác lôi cuốn và mình được rong chơi trong khoảng không này. Khoảng không này là một khoảng rất tự do; mình được đi, đứng, nằm, ngồi, được sinh hoạt, được dừng trụ ở bất kỳ đâu theo ý mình thì có nghĩa mình là người hoàn toàn không “*bị tội*” (nếu hiểu từ “*bị tội*” theo nghĩa thế gian). Mình vẫn là Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị Mít, Nguyễn Văn Xoài. Chúng ta chưa thoát khỏi cái khăn này vì mình đang ở tầng đó của tưởng. Vì mình chưa giải quyết được tưởng ấm thì mình chưa ra khỏi cái khăn của đời trước.

Cái khăn đó vẫn quy định mình là Nguyễn Văn A

là chồng của bà Nguyễn Thị B. Nguyễn Văn A khi chết để lại nguyên gia sản, sau đó bà vợ đi theo người khác lấy tiền của mình cho người ta. Mình tức quá về đấm bà lưng tung nhưng bà không có thấy đau. Vì ý tưởng không dính gì tới bà, dù có đánh ghen cũng không dính dáng gì. Thấy hết, biết hết nhưng không tác động tới vật chất được khi không có lực công phu. Dù mình tức tối, la lối, nhảy múa, ầm ức, hận thù ... nhưng người sống hoàn toàn không hay biết.

Tưởng ầm vẫn tiếp tục nhận mình là Nguyễn Văn A để sống trong cõi giới đó. Cho tới một ngày, tới đoạn “*vô minh duyên hành*” là khi chúng ta thấy hai người sẽ là cha và mẹ của mình, là duyên kề cận của kiếp tới. Vì có cộng nghiệp nên chúng ta sẽ cảm giác có một nghiệp lực tam giác. Lúc cha mẹ gần gũi sẽ phát ra ngọn lửa dục. Trong phút chốc khi lửa dục hiện ra thì hăng hà sa số tâm thức bu lại, không thể cưỡng nổi. Cả những tâm thức không phải loài người thấy ngọn lửa dục cũng phóng vô. Kinh khủng như vậy! Chúng ta cũng là người tranh giành để chui vào tham dục. Nếu mình tu thì tự động mình có một lực lấn át tất cả các tâm thức kia, khiến mình chui vào tử cung bà mẹ một cách dễ dàng. Nếu mình tu có lực và mình chọn đó là cha mẹ mình thì không ai có thể giành với mình được. Lực tu của mình có thể lấn áp hết. Nhưng nếu mình không có “*lực*” mà có “*ngiệp*” thì “*lực của nghiệp*” tự động có một đường dây hút chúng ta chui tọt vào tử cung của bà mẹ.

Khi bị lực của nghiệp cuốn thì chúng ta không thể cưỡng nổi, cho nên chúng ta bị hút rất mạnh và bị đập thật mạnh vào thành tử cung bà mẹ, ngay khi đó bị choáng một cái khiến chúng ta không còn biết gì nữa. Hết tất cả những hiểu biết. Cái quy định cho rằng mình là Nguyễn Văn A bây giờ tắt rụi. Lúc chết chưa tắt cái chấp mình là Nguyễn Văn A, đến bây giờ mới tắt. Trong nhân gian hay nói đầu thai trở lại là phải “*ăn cháo lú*”. Ăn cháo lú để “*hết biết*”. Đó là trường hợp thân trung ấm của chúng ta khi bị đập vào thành tử cung quá mạnh, nên nó bị mất hết tất cả những hiểu biết của Nguyễn Văn A đời trước. Sức hút của “*nghiệp lực*” gây một sự hoảng loạn kinh hoàng chứ không phải là một sức hút bình thường.

Chúng ta tưởng tượng như mình đang ở đây mà bị kéo lên cái rọc một ngàn ki lô mét (km) chỉ trong một phút thì mình sẽ đầy sự hoảng loạn như thế nào! Vậy mà sức hút kia còn mạnh gấp một triệu lần. Trong một chớp mắt, chúng ta bị một lực hút rất mãnh liệt cuốn vào tử cung người mẹ, chúng ta nghe một cái “*sầm*” là thấy tối đen, hết biết gì cả. Những người đã từng xỉu sẽ cảm nhận được điều này. Vừa xỉu là chúng ta sẽ bị tối đen, ngay sau đó chúng ta sẽ hiểu biết trở lại, nhưng ở đây sau khi đập vào thành tử cung thì chúng ta không có hiểu biết trở lại. Đó chính là vô minh, vì không kịp cho chúng ta phân biệt, so sánh, chọn lựa, lấy bỏ... Chúng ta hoàn toàn không thể làm được cái gì bởi lực hút của nghiệp. Do đó, nghiệp là một cái gì kinh khủng nhất và nhất là nghiệp

sanh tử.

Như vậy là trong lúc hoảng loạn, đen tối, mịt mù, một sự dao động, một lực cuốn hút xảy ra khiến cho thần thức một phen kinh hoàng. Tưởng tượng một chiếc máy bay đang bay cách mặt đất khoảng mười mấy ki lô mét (km) bỗng bị tắt máy và rớt từ khoảng không trên cao xuống đất. Lực đó khiến cho những người còn sống sẽ thấy rất kinh hoàng, hoặc tưởng tượng mình nhảy xuống từ ở trên một tầng lầu cao 20 mét thì phút giây đó cũng là phút giây rất kinh hoàng.

Sau phút kinh hoàng tối đen, mù mịt đó, giờ nói đến “*cái mình*” của mình, “*cái ngã thăm thăm*” của mình. Đầu tiên là cái tướng của chúng ta hoảng loạn quá không biết làm gì. Cái tướng cũng hết biết rồi, hết biết có, hết biết không. Cái tướng thành ra mù mịt, và ngay lúc này, trong cái phút tối tăm mù mịt đó thì hành phát động. Do đó gọi là “*vô minh duyên hành*”. Sau khi bị nghiệp lực hút vào tử cung tối đen, ngã chấp nhiều đời nhiều kiếp của mình không chấp nhận sự mất hút, không chấp nhận sự tối đen hoảng loạn, nên nó cũng lấy lực định tĩnh trở lại. Trong khoảng không, nó quơ cào bám níu và bám được noãn cầu của người mẹ.

Trong lúc noãn cầu và tinh trùng gặp nhau có chút tia sáng nên khi thần thức thấy được chút ánh sáng trong lúc mù mịt tối đen là nó mừng lắm, bám vào liền, mà bám vào là dính. Có noãn cầu, có tinh trùng và có thần thức thì thành thai. Trong lúc bám dính này thì

hành ẩm bắt đầu khởi lực của mình ra để hình thành đời sống mới. Trong chưa đầy khảy móng tay, chuyện năm đời, một trăm đời, chuyện tám ngàn đời, chuyện hai, ba tỷ kiếp, chuyện năm bảy ngàn tỷ kiếp đều được hành ẩm gom lại, nhồi nặn lại thành đời sống mới cho chúng ta, gồm có bước một, bước hai, bước ba, bước bốn, bước năm v.v... Đó là sự nhồi nặn để hình thành đời sống chúng ta hiện giờ. Chưa đầy một khảy móng tay là hành ẩm làm việc xong hết rồi. Mình là trai hay gái, da đen hay trắng, cao hay thấp lùn thì hành ẩm đã làm việc xong hết với những đoạn dài nhân quả. Hành gom lại, sàng lọc và đẩy những đoạn nhân quả này vào đời sống mới trong chưa đầy khảy móng tay. Đó là “*vô minh duyên hành*”.

Sau khi “*hành*” đã làm việc, định đoạt nguyên đời sống mới của mình để cho mình chuẩn bị ra đời thì bắt đầu có một sự bảo thủ riêng. Khởi đầu “*mình*” là “*cái gì đó*” chứ mình không còn là Nguyễn Văn A cũ nữa. Mình là cái noãn cầu và cái noãn cầu này chính là sinh mạng của mình. Rồi bắt đầu có sự nhận định của thức, có sự so sánh phân biệt là “*mình*” đang ở đây. Đương nhiên đoạn này trong bào thai vẫn là tối mù, chỉ trừ chúng ta có thiên định thì mới sáng. Có thiên định thì mình sẽ thấy cảnh giới hiện hữu trong thai rõ lắm.

Nói đến thiên định và ánh sáng thì khoa học gần đây cũng chụp được hình trái tim của những người đang tọa thiền sáng lạ lắm. Những người còn ở trong thiên định thì ánh sáng của trí tuệ do họ đã từng tu tập sẽ giúp

cho họ rõ hơn, sáng suốt hơn trong thai so với người không tu. Từ đó, khi ra đời họ mới thông minh, hiểu biết, vì có trí tuệ dẫn khởi. Nhưng hành ấm lại là người sắp xếp những chuyện tương quan với đời sống cận kề kế tới. Đời vừa mới mất là đời được ưu tiên hơn, mạnh hơn, chính đời đó thu hút một số nghiệp nhân, nghiệp quả của các đời trước, gom lại để cho hành ấm sàng lọc thành một đời mới.

Sau cái đen tối mù mịt, tự dừng lúc đó mình ý thức “*có mình*” trở lại. Từ từ mình thấy “*có mình*” nhưng “*mình*” hoàn toàn không giống ai hết. Đầu tiên khi mình thấy mình hoàn toàn không giống ai hết, tức là “*ngã chấp*” sống lại. Khi mình thấy mình không giống ai hết tức là “*bản ngã*” được hình thành. Đây là “*vô minh duyên hành, hành duyên thức*”. Trong giai đoạn này, đầu tiên thức chỉ biết nóng và lạnh, nếu bà mẹ ăn uống lạnh thì mình bị lạnh, bà mẹ ăn uống nóng thì mình bị nóng. Những dao động của bà mẹ ảnh hưởng trực tiếp đến mình, nhưng nếu lực mình mạnh thì mình tác động ngược lại bà mẹ. Đây là sự tương tác của nghiệp tập.

Tại sao bà mẹ sanh ra đứa con bị sút môi? Không phải do mẹ đâu mà do mình. Do hành làm việc, do hành sắp xếp là mình đã làm nhân quả gì đó nên đời này phải bị sút môi, méo lỗ tai, hay hai con mắt không có bằng nhau. Do nghiệp của mình, mình khiến cho bà mẹ phải thèm miếng ăn đó, như thích ăn thịt thỏ, thích ăn ốc, mà bà mẹ không thể cưỡng lại được trong lúc mang thai,

phải đi kiếm món đó để ăn khiến cho cái môi mình bị tét sau khi ra đời. Chính mình phát động cái nghiệp của mình, tác động khiến bà mẹ thích uống đường để mình sanh ra khùng khùng không tỉnh, thích ăn trái cây để mình không thông minh được nữa, hoặc ăn thịt nhiều quá để chúng ta bị ung thư liền sau khi sanh. Nếu mình không có nghiệp đó thì bà mẹ không thêm món đó.

Chúng ta có thể thấy rõ điều này trong một câu chuyện vào thời Đức Phật tại thế. Khi Ngài Xá Lợi Phất nằm trong thai thì mẹ Ngài rất thông minh. Em trai bà là ông Phạm Chí Trường Trảo là một luận sư nổi tiếng thời đó ở Ấn Độ, không ai có thể tranh luận hơn ông. Nhưng khi Ngài Xá Lợi Phất còn trong thai thì ông kia đã thua chị mình cả trăm cuộc trước công chúng. Ông sợ rằng đứa cháu ra đời thì ông sẽ tranh luận thua cháu mình nên bỏ vô rừng ngồi nghiên cứu trong nhiều năm tháng tới quên cắt móng tay. Vì móng tay dài nên người ta gọi ông là Trường Trảo, tức là ông Phạm Chí có móng tay dài.

Như vậy khi ở trong thai, nếu mình có lực mạnh, mình sẽ tác động được tới bà mẹ của mình. Như có một cô ở Tiền Giang, khi cô mang thai là đứa bé bị nằm ngoài tử cung. Cô ăn số 7 một thời gian ngắn, đứa bé lọt vào tử cung an ổn. Đang ăn số 7 cơm lứt, tự nhiên cô thêm ăn tô bún bò, mới ăn mấy muỗng thì tâm thần cô điên loạn. Gia đình phải chở vào nhà thương điên. Khi nghe kể như thế, tôi nói cô xoa bụng xin lỗi thẳng nhỏ trong bụng, nói là

“từ đây cho tới ngày con chào đời, mẹ sẽ không bao giờ ăn mặn nữa, xin con tha cho mẹ”. Cô vừa làm xong thì tỉnh táo đi về. Cậu bé năm nay được 10 tuổi rồi. Bây giờ nếu cậu nhỏ ra đường gặp bà nào bán cá là cậu ngồi thuyết pháp. Nói hoài cho đến khi đổ thúng cá mới thôi. Nếu người bán không chịu đổ cá xuống sông để cứu mấy con cá thì cậu ta không chịu đứng dậy đi, tiếp tục ngồi nói tới nói lui về nhân quả.

Như vậy nghĩa là khi mình ở trong thai, lực của mình sẽ tác động tới bà mẹ. Nếu bà mẹ ăn uống sinh hoạt đúng thì người có phước đức sẽ nhập vào thai. Nhưng người không có phước đức, nghiệp đời này phải bệnh hoạn, phải tàn phế thì hành ẩm đã sắp xếp hết rồi và nó sẽ tác động khiến mẹ mình sinh hoạt ăn uống sai lầm nên mình sanh ra bị liệt nửa người, bị què quặt, cụt tay, không thấy đường v.v...

Tôi cũng nhớ có lần, có một bà mẹ đưa cô con gái khoảng 18 tuổi đến gặp chúng tôi. Cô bé này rất xinh đẹp nhưng cô không nói được tiếng người. Thỉnh thoảng cô hú lên tiếng hú nghe ghê rợn làm mình tưởng tượng như ở cõi địa ngục. Bà mẹ nói khi bà mang thai, mỗi ngày bà uống khoảng vài lít nước chanh đường, do đó đã làm hư hại hoàn toàn bộ não của cô bé này.

Cho nên nhìn một đoạn nào đó trong đời lúc bà mẹ đang mang thai thì thấy mọi việc là do bà mẹ ăn uống sai lầm, nhưng do nghiệp của mình mà mẹ không cách nào cưỡng lại được chuyện này. Nên chúng ta đừng đổ

thừa bà mẹ mà là do nghiệp và sự ảnh hưởng của chính mình.

Thành ra trong lúc “*vô minh duyên hành*” thì hành sẽ gom hết tất cả nhân quả ngàn đời ngàn kiếp để đẩy vô một đời. Có những điểm tương can là đoạn đời này mình phải chấp nhận điều này xảy ra, nên hành sắp xếp rất tỉ mỉ cho người mẹ phải ăn uống, sinh hoạt để sanh ra mình ở đời mới. Đời mới này cũng là từ nền tảng của hành ấ. Từng bước sinh hoạt đời sống của mình, mình tưởng là mình chọn ngành này ngành kia để mình học, mình thích làm cái này cái kia, mình nghĩ là mình có thể chọn lựa được nhưng thực chất là hành ấ đã sắp xếp hết rồi.

Ví dụ như hành ấ đã sắp xếp để chúng ta chỉ được ngồi học một buổi sáng ở chùa thôi. Chúng ta đã đi từ rất xa đến chùa, nghe giảng đúng có buổi sáng thì nhận được một cuộc điện thoại bất ngờ và phải chạy về nhà gấp. Chúng ta nghĩ là chuyện bất ngờ, kỳ lạ quá, không được ở lại học thêm buổi chiều, nhưng thật ra là hành ấ đã sắp xếp hết rồi.

Rồi lại có những chuyện xảy ra rất bình thường, mình nghĩ đó là chuyện do mình chọn lựa, nhưng có những cái mình hoàn toàn không thể chọn lựa được. Trừ trường hợp những người có thiên định mới thoát ra khỏi cái lực sắp xếp của hành ấ, để khớp với từng nhân quả xảy ra trong đời sống của chúng ta, từng bước một, bước hai, bước ba, bước bốn, bước năm, cho hết cuộc đời này

của mình. Lực của hành ấm là như vậy và chúng ta không ra khỏi được, không thoát được.

Do chúng ta bị kẹt trong thân ngũ uẩn, nên Đức Phật nói “*ngũ uẩn giai Không*” mới thoát khỏi khổ ách. Nếu không thì hành ấm cứ sắp xếp đời này đến đời khác liên tục như vậy. Chúng ta bị kẹt một cách toàn triệt, không còn lối nào để thoát, ngoài chuyện phải giải quyết cho được ngũ uẩn.

Khi mình hiểu mình bị kẹt trong hành ấm như thế này mà mình không lo sợ thì không ai có thể gỡ cho mình được. Bây giờ mình học tới đây mới thấy nếu mình không công phu thì rõ ràng không có Phật Tổ, hay ông A, ông B nào cứu mình được cả. Dù cho hàng tỷ Đức Phật có hiện ra thì mình cũng không thoát khỏi thân ngũ uẩn.

Đức Phật thấy rõ điều này nên Đức Phật không bao giờ làm gì khác ngoài chuyện dạy dỗ chúng ta công phu và trợ lực cho chúng ta công phu. Chính bản thân mình mới vượt thoát được khỏi ngũ uẩn, chứ không ai có thể thò tay cứu mình được. Nên những lý thuyết nói người này, người kia sẽ giúp mình thoát ra khỏi cõi này, đó là lý thuyết gạt mình. Nếu chúng ta lằm trong đời này thì công lực, công phu của chúng ta sẽ bị mất đi. Nếu trong một đời này, chúng ta không dồn hết lực đi vào chuyện phá vỡ ngũ uẩn thì coi như chúng ta thua trắng tay. Tại vì nó không theo thứ tự tiến hóa đâu. Nếu như chúng ta bảo trì được công phu thì lực này mới giúp được chúng ta trong đời tới.

Ví dụ như bây giờ mình còn trẻ, mình tu hơi dở, nhưng càng ngày càng tu tốt hơn lên, cho tới một năm nữa mình tu tốt hơn bây giờ. Mình càng thấy rõ là mỗi năm công phu mình mỗi tháng tiến hơn, lực làm chủ nghiệp tập của mình càng ngày càng mạnh hơn. Khi nghiệp xảy ra mình có thể hóa giải dễ dàng. Trí tuệ mình đủ để có thể biện biệt được những đúng sai hay dở, mình không còn bị lầm lạc nữa, không bị lực cuốn hút, không bị chạy theo tham sân si nữa. Nếu lực của chúng ta càng lúc càng mạnh, càng lúc càng mạnh thì tới phút cuối cùng, chính lực này sẽ dẫn chúng ta đi tới đời kế tiếp.

Do lực công phu đó mà đời sau chúng ta cũng sẽ tiến hơn đời này. Nhưng nếu chúng ta không có công phu, không có gì thay đổi, không có gì tiến hóa thì đến cuối đời, hành ấmsẽ gom những chuyện cũ lại cho mình xài trong đời tới. Ngược lại nếu mình có lực thì mình dùng lực đó đủ để trang bị đời sống mới và đời sau mình sẽ sống với tất cả phước báu, tất cả trí tuệ do mình tu tập. Nếu mình tu tập tốt cho hết một đời thì hành ấmkhông thể mạnh mẽ xen vào và nó có thể chinh chu cho đời sống mới của mình tốt hơn. Nhưng nếu lực tu của mình không có, mình không có công phu, mình lười mỗi, mình không tụng kinh, lười biếng ngồi thiền, đụng chuyện thì phiền não khốc lóc, nhớ nhung, buồn tủi, đủ thứ. Nếu tâm mình không thay đổi, mình cứ bình thường, mà đã bình thường thì hành ấmsẽ sắp xếp cho mình theo nghiệp đó mà đi.

Hành ấm có thể lôi chuyện quá khứ hay chuyện xấu hàng tỷ tỷ kiếp trước về lại đây. Nếu nghiệp thiện mình đủ lấn át nghiệp ác thì lực công phu sẽ thu hút được tất cả những thiện căn, thiện nghiệp hằng hà sa số kiếp của mình, bây giờ gom lại vào đời mới này để mình xài dùng. Trong đời mới, ví dụ mình làm mười việc phước thì mình được hưởng mười việc phước, lực thiện của mình mạnh nó sẽ thu hút những nghiệp thiện cũ về nữa. Nên mình sẽ có ngàn phước báu, đời sau mình được sống một cuộc đời thực sự tốt lành, mới ra đời đã được gặp Phật pháp, biết cách tu tập để tiếp tục tiến thủ công phu.

Việc tu tinh tấn không phải là phí ướng vì lực tu có thể bảo trì, gìn giữ, thu hút tất cả những nghiệp thiện của mình đi vào đời mới. Nếu chúng ta hoàn toàn làm chủ được nghiệp thì lực của vô minh để duyên hành kia sẽ không đủ lớn. Vì trí tuệ chúng ta đủ sáng, thiên định chúng ta có thì lực hút của nghiệp không có, chúng ta được chọn lựa đi vào thai. Giả sử chúng ta thấy cặp vợ chồng này, đương nhiên là cũng có nghiệp cha mẹ với mình, nhưng mình thấy hai ông bà này đời này chưa đủ phước làm cha mẹ mình do thiện tâm họ không đủ tốt, còn thiện tâm mình tròn đầy, xứng đáng vào một gia đình khác. Vậy là mình có thể xoay qua đi tìm một cặp vợ chồng khác, có thiện tâm, phước báu, tâm đạo lớn. Nếu sinh ra trong gia đình đó thì họ có thể sẽ dắt mình đi chùa khi mình lên một, hai tuổi, cho nên mình nhập vô

thai làm con họ. Đó là do mình có lực, có lực thì mới có thể làm được chuyện này, còn không có lực thì không thể làm được.

Cho nên phải biết trong đời sống này nếu chúng ta không thể làm chủ thì đi vào sanh tử chúng ta sẽ hoàn toàn bất lực. Bất lực thì nghiệp sẽ cuốn mình đi, và sự chi phối của hành ấmsẽ làm cho chúng ta phải sanh trong đời mới như thế nào đó.

Thành ra ngoài việc dựng lập ngã chấp thì hành ấmcòn hình thành tất cả những hành động, cử chỉ, lời nói, việc làm, tất cả sinh hoạt của chúng ta trong đời sống này, nghĩa là hành ấmgần như bao trọn. Ví dụ bây giờ chúng ta đang thích thú tu theo Thiên, nhưng hành ấmdã sắp xếp rồi nên mười năm nữa chúng ta sẽ tu theo một vị tu Mật Tông. Lúc đó không ai cưỡng được và đúng ngày giờ đó, mình có duyên gặp vị thầy Mật Tông siêu hơn vị thầy hiện giờ, đủ sức dẫn mình đi tới ngày cùng, vậy là mình đi theo.

Cho nên mình sẽ không quyết định được gì nếu mình không công phu tốt. Nếu công phu tốt thì mình còn có thể quyết định chọn lựa cho mình, còn công phu không tốt thì hành ấmsẽ sắp xếp cho mình đi từng bước một giữa trần gian này. Gần như mình nghĩ là mình chọn lựa, mình tính toán, cũng giống như mình làm chủ chọn lựa thức ăn, nhưng thực ra, ngày đó mình ăn như vậy là do hành nghiệp. Chúng ta tính toán chúng ta sẽ ăn khác, còn chúng ta bấn loạn, chúng ta sẽ ăn khác. Chúng ta sẽ

thấy rõ ràng tâm chúng ta tỉnh hay không tỉnh khi ngồi trong một bữa ăn. Chúng ta sẽ thấy sự điều khiển của dục vọng hay sự bình tĩnh chọn lựa thức ăn. Hai điều này rõ lắm. Cuộc đời này cũng vậy, tất cả đều là lực của hành ẩm, nên hành ẩm có thể dựng lập tất cả mọi chuyện.

Nếu sắc ẩm đã được “*dọn dẹp*” hay “*phá dẹp*” xong để thành Không, thọ ẩm là Không, tưởng là Không thì hành ẩm thực sự là một cái gì đó rất kinh khủng. Người đó sẽ phát động được tất cả những việc mà người đó muốn. Khi họ lắng được tướng ẩm rồi thì tất cả mọi cái xuất nguồn từ *hành ẩm* chính là một lực dụng của đời sống này. Nếu tâm họ lắng đọng, họ muốn cái gì thì chuyện đó sẽ xảy ra với họ. Như vậy được gọi là có thần thông, chứ chưa nói là dứt hết ngũ ẩm. Tới đây là đã có thần thông rồi. Họ có thể thay đổi hết mọi thứ trong đời sống này theo ý mình, nếu họ muốn. Nếu có lực vượt qua tướng ẩm thì sẽ làm được điều này, còn không thì chúng ta sẽ không làm được.

Trong cả vũ trụ này không có thước nào có thể đo được độ sâu, độ rộng, hay sức mạnh của hành ẩm. Hành ẩm là lực dụng để sinh sôi tất cả vạn pháp. Nó chưa phải là “*Tự Tánh*” nhưng nó được kết nối với năng lực của “*Tự Tánh*”. Nếu hành giả vượt qua được tướng ẩm, đã lắng sâu trong thiền định một giai đoạn dài thì họ sẽ thấy thân rỗng, tâm rỗng. Họ ở trong định, không còn động, tâm yên tịnh, hết phiền não. Hết tướng ẩm là hết phiền não, nhiều người tướng đây là Niết Bàn nên an trú

cho đến cuối đời. Đến cuối đời nếu vượt qua tướng ấm thì cũng sẽ có cõi tương ưng với tâm thức cho người hết tướng. Sống trong cõi đó, họ tiếp tục tu tập để phá hành ấm và thức ấm.

Nếu không còn mang thân này thì họ còn có một cõi của người đã vượt ra ngoài tướng, đó là cõi vô tướng. Nếu duyên lành đời này mình có, thiện căn thiện nghiệp có, có công phu nhiều đời nhiều kiếp gom tụ lại thì đời này mình có thể vượt qua tướng ấm. Nếu không, chúng ta dừng ở tướng ấm cũng là quá quý rồi.

Đương nhiên tới đây là còn tiến thân chứ không có lùi. Đạt được những tầng định sâu thì dần dần chúng ta sẽ thấy một nguồn vô tận, một sức sống vô tận trào dâng nơi tâm thức của chúng ta. Nơi tâm chúng ta có một dòng sống trào dâng mãnh liệt mà nó không thành hình cái gì. Nó vận hành nhưng rất yên tĩnh, nó không phát thành sóng niệm, không phát thành ý niệm. Nếu chúng ta lắng sâu để cho định càng lúc càng sâu, càng lúc càng sâu hơn thì chúng ta sẽ thấy từ màng ngoài cho tới sâu trong hành ấm. Tất cả những *chủng tử nghiệp thức* sẽ được chúng ta thấy rõ. Tất cả những *chủng tử sanh tử* được chúng ta thấy rõ, thấy rõ, thấy rõ, thấy cho tới tận nguồn sanh khởi.

Trước khi chúng ta thấy rõ cho tới tận nguồn sanh tử thì tất cả hành ấm này được chúng ta soi thấu, tỏ tường từ ngoài cho tới trong. Cho tới lúc chúng ta thực sự thanh tịnh tuyệt đối thì phút giây đó chúng ta sẽ thấy

được *cái động khởi ban đầu của hành ấ*m. Đây chính là đầu mối của sanh tử muôn vạn kiếp cho tới bây giờ, tức là chúng ta đã thấy tới chỗ tận cùng đầu mối của sanh tử thì xem như sanh tử này mới giải quyết được.

Chúng ta đi sâu như vậy để chúng ta thấy được cái chỗ cuối cùng là cái *"gợn"* nguyên sơ của mình. Cái gợn nguyên sơ này không thành ý niệm, nó chỉ gợn lên và nó dẫn chúng ta đi vào con đường sanh tử. Nó thu hút bao nhiêu ý niệm sanh tử để nó tràn ngập trong hành ấ này. Bây giờ chúng ta thấy ngược lại, thấy hết cho đến tận cùng đầu mối của hành ấ thì coi như sanh tử giải quyết xong và hành ấ hết.



Thức uẩn

Khi hành ấm hết thì lúc đó chúng ta sáng rục. Một ánh sáng hiện ra nhưng chưa phải là ngộ đạo, vì chúng ta vẫn còn thấy có sự *khác biệt* giữa ánh sáng này và mọi thứ. Ánh sáng trí tuệ này rất thanh tịnh, rộng khắp, nhưng nó vẫn thấy “*mình*” khác với mọi thứ. Nó đang soi sáng mọi thứ, đang nhận biết tất cả mọi cái xung quanh mà nó không còn là thân của mình nữa. Đây mới là chuyện kinh khủng. Đây chính là “*thức uẩn*.”

Nó có thể biết quá khứ, vị lai, biết mọi hoàn cảnh. Biết hết, phân biệt được hết. Bao nhiêu công phu thiền định của những vị đã trải qua sau thời Đức Phật, bao nhiêu trường Thiền có mặt trên thế giới này vẫn chưa thoát ra khỏi thức ấm. Vì chỗ này là rỗng lặng, mênh mêng, rõ biết, sáng rục. Ở đây sáng lắm, nhưng chỉ đơn giản là nó biết mọi cái vẫn *không phải là mình*. Vẫn còn “*cái biết*” thanh tịnh, rỗng lặng, mênh mêng, trùm khắp. Không có cái gì không biết tuy nó không hề khởi niệm phân biệt, không hề có sự so sánh. Đây là cái *thầm nhận, thầm biết*, cái thì thầm ghi nhận, nhỏ nhỏ, sâu sâu bên trong và mình thấy lúc này mình rất là yên. Nhưng vẫn còn “*mình*” yên. Cái yên đó là mình, cái rỗng đó là mình, nhưng cái rỗng đó vẫn chưa phải là *mất mình*. Đây là cảnh giới rất yên tịnh của ý thức, vì vẫn còn “*mình*” ở đây để rõ biết. Sự lặng lẽ thường tri hiện hữu y như là cái

tri của “*Tự Tánh*” nhưng tri của “*Tự Tánh*” thì khác.

Bây giờ ở đây mình thấy hết, nghe hết, lục căn mình hiện tiền rõ biết hết. Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức đang phân biệt rõ ràng. Thức đang hiện hữu nơi sáu căn một cách rất rõ ràng, đang rõ biết tất cả các pháp rất rõ ràng, nhưng không khởi niệm phân biệt. Nó thấy nó khác với các pháp chứ nó vẫn không phải là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nó chỉ đang rõ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nó rõ mà không phân biệt nhưng vẫn chưa phải là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Nên hành giả cần biết mình còn kẹt trong thức. Ở đây là cái rõ biết mà vẫn không hết “*cái riêng*” vì lúc này cái thăm thăm riêng tư, riêng biệt của mình vẫn còn. Mặc dù mình sáng, mình tỏ nhưng vẫn còn có “*mình*” ở đâu đó để sáng tỏ thì hành giả phải biết lỗi này. Nếu không biết lỗi này là sẽ tiếp tục không thể nào thoát. Đây chính là lá bùa trên ngũ hành sơn mà con khi ý thức phải quậy cho động tới a lại da thức. A lại da thức sẽ thấy là chỗ này vẫn “*còn*” nên phải gỡ chỗ này ra. Gỡ cái khác biệt với vạn pháp ra thì ngay lúc này mình là vạn pháp. Không còn là ngã và pháp nữa. Gỡ cái đó ra xong là ngã biến mất.

Mình phải thấy được *cái lỗi là mình còn khác với “cái gì đó”*. Đó là *cái lỗi cuối cùng của ý thức!* Nghĩa là “*biết*” nhưng mà vẫn còn là “*mình biết*” thì cái “*mình biết*” này cũng phải mất đi. Khi mình tới đó rồi thì tự động lục

dụng sẽ đưa mình đi, bởi vì một khi chúng ta đã vượt qua hành ẩm rồi thì đoạn này rất dễ. Nói là dễ chứ ít nhất cũng phải mất một thời gian công phu miên mật, không thể lơ mơ, vì nếu chúng ta lơ lỏng ở đoạn này thì chúng ta sẽ không phá nổi “*cái thăm thăm*” này. Thành ra chỗ này là chỗ rất cần công phu hàm dưỡng. Tới đây mới cần công phu hàm dưỡng.

Như vậy là đối với cái thăm thăm lặng biết này thì mình rất cần một nơi riêng tư cho mình để mình lắng sâu trong cái lặng biết đó. Cái “*biết thăm thăm*” đó vẫn còn cách biệt với vạn pháp. Nghĩa là mình vẫn còn một chút sai biệt với hạt cát, còn một chút sai biệt với một ngọn gió, còn một chút sai biệt với ánh sáng, còn một chút sai biệt với một cái gì đó thì có nghĩa là còn ngã và còn pháp.

Nghĩa là vẫn còn “*mình*,” và mình phải thấy rõ cái lỗi là còn “*mình*” ở đây nên vẫn còn có “*nó*” ở đằng kia. Cho nên khi chúng ta nhận ra được là “*mình*” còn “*hiện*” trong cái hay biết này là ngay khi đó mình sẽ mất! Tự dung mình biến mất; khi đó mình là hoa, là lá, là hư không, là vũ trụ, là rộng khắp. Ngay lúc này cái “*mình*” cũ tự động mất đi. Chúng ta tới đây mới thêm một lần “*chết*”, chết hết tất cả những so sánh phân biệt, chết hết tất cả những sai khác, để rồi hiện tiền không còn sai khác, không còn sai biệt, không còn khác biệt với tất cả các pháp đang “*hiện*” ở đây. Lúc này chỉ là sự hiện tiền không sai khác, đây là bước qua ngưỡng cửa cuối cùng

của thức ẩm.

Đây là chuyện không phải dễ, vậy mà khi nói đến phá ngũ uẩn, nhiều người vẫn tưởng là mình đã ngộ đạo. Nếu như ở đây có một vị thầy giỏi và vị ấy sẽ nhìn ra được mình thì tới đây chuyện sẽ dễ dàng cho chúng ta. Đa số Thiên sư đệ tử đến chỗ này thì sẽ “gỡ”. Nếu đệ tử phá xong tướng ẩm thì chưa chắc gỡ nổi nhưng tới đây thì có thể gỡ được. Hành giả có thể ngồi đó mà chư Thiên khắp nơi muốn kiếm cúng dường cũng kiếm không ra. Vậy mà hành giả cũng mới chỉ phá được tướng ẩm thôi. Cho nên, nếu lực của một vị thầy muốn đập người đệ tử của mình để cho đệ tử lọt qua hành ẩm, thoát khỏi thức ẩm để một lần “*ngũ uẩn giai Không*” thì không dễ đâu! Phải trợ lực công phu, phải hàm dưỡng và chính bản thân người hành giả đó cũng phải biết là mình chưa tới.

Hết tướng ẩm là họ có thần thông rồi nhưng có thần thông trước khi nhập đạo thì rất dễ lạc đường. Dễ có thể sanh tâm chấp nhận mình đã chứng Thánh, vậy là coi như xong đời, vì cả khúc sau là còn nguyên chưa phá được. Tuy vậy, hành giả sẽ không trở lại thọ thân người nữa và họ sẽ sống trong cõi của họ. Ở cõi này thì họ sẽ trụ trong cái rỗng đó hoài, phải rất là lâu mới có thể phá ra được. Cho nên chư Phật và chư Đại Bồ Tát phải đi tới khai thị cho họ thì họ mới ra khỏi cõi đó, còn nếu không thì họ sẽ thủ hoài cảnh giới yên lặng, thanh tịnh, an lạc đó luôn. Bởi vì họ vẫn còn hai lớp nữa phải qua thì mới

hoàn toàn sạch được sanh tử. Hết “*tướng ấ*m” chưa phải là chứng lậu tận thông, phải hết “*hành ấ*m” và “*thức ấ*m” mới chứng được điều này.

Nói đến thức ấ m là chúng ta thấy rất miên man. Nhưng một khi hành giả nhận được cái nguyên sơ, cái khởi nguồn, cái manh nha mống khởi ban đầu, một khi cái “*rung động*” để đi vào sanh tử ban đầu này vừa được giải quyết xong, ngay khi đó hành giả có thể vượt qua luôn thức ấ m và tan biến hoàn toàn. Sạch sanh tử rồi thì có thể vượt thoát ra ngoài tam giới, thường là như vậy. Cặp (hành-thức) thấy vậy mà đi một lượt. Vì hành giả đã trải qua một giai đoạn quá dài trong công phu thiền định. Nên phút đó, giống như trong mười kiếp sử có nói là đã trải qua trạo cử, tức là hang ổ của hành ấ m rồi thì vẫn còn có cái mạng, tức là cái thọ mạng, thọ ngã, chấp ngã, ảo ngã, niệm ngã, còn ở trong cảnh giới rỗng mênh mông của thanh tịnh.

Lúc đó Thánh trí hiện ra, tức là phá vô minh. Hết vô minh hôn ám thì thấy được sự thật. Khi sự thật hiển bày thì thấy được sự chấp ngã của mình và khi làm tan biến ngã thì “*mạng*” hết, nghĩa là vô minh sạch thì mới chứng quả A La Hán. Điểm cuối cùng của vi tế ngã chấp chính là thức này. Do đó khi phá được sanh tử ở hành ấ m rồi thì đủ sáng để thấy được vi tế ngã chấp là thức ấ m. Nó rất nhỏ nhiệm nhưng nó thăm thăm, lặng lặng; “*có*” mà hoàn toàn “*không có*” nhưng không phải là cảnh giới Phi tướng phi phi tướng xứ thiên.

Thức khác với Phi tướng phi phi tướng xứ thiên. Tuy thức cũng thăm thăm nhưng thức này không còn thọ, không còn sắc nữa. Thức này không phải là tướng, không phải là thọ, không phải là hành nữa. Thức này là sự rõ biết thăm lặng và chính đó là hang ổ cuối cùng. Dù nó là cái gì rất nhỏ nhiệm nhưng nó là chỗ cuối cùng. Nếu như chúng ta phá được điểm cuối cùng này, thấy được cái manh nha mống khởi ban đầu để đi vào sanh tử, tức là thấy được tận nguồn của hành ấm, thì hành ấm tự động biến mất, khi đó chúng ta rực sáng, có thể vượt qua luôn thức ấm. Lúc đó chỉ là sự hiện hữu toàn triệt của pháp giới này, hiện tiền không sai khác nữa là chúng ta vượt qua thức ấm.

Thực sự tới đây là không phải do công phu của mình nữa đâu, mà do lực của mình đã trở thành nội lực từ sau khi dứt được tướng ấm. Dứt được tướng ấm thì phải nói là lực công phu của chúng ta lớn lắm và lực đó mới đủ sức lặn sâu trong hành ấm và phá vỡ thức ấm.

Nhưng cửa ngõ ban đầu của chúng ta vẫn là sắc ấm. Nếu như ai được một vị thiện tri thức khai ngộ mà không phải công phu phá sắc ấm, thì người đó tự ngay trong cuộc đời của mình cũng phải trở lại một lần sống những ngày tháng sắc uẩn là Không. Khi ấy, hành giả còn sống nguyên để thấy từng tế bào này “chết” đi như thế nào, hành giả trải qua giai đoạn gọi là bản đạo tổng hợp để trở lại sắc Không, thọ Không, tướng Không, hành Không và thức Không. Từ đó về sau người đó mới thông

suốt một cách toàn triệt, chứ nếu không trải qua như vậy thì vẫn sẽ không thông. Có thể ngộ lý nhưng nếu muốn nói thông một cách toàn triệt thì chưa thông. Như vậy đến đây mới được gọi là “*ngũ uẩn giai Không*”.

TIỂU SỬ TÓM LƯỢC



Thượng Tọa Thích Tuệ Hải (Vô Trụ Thiền Sư – Hiển Hiện Như Nhiên), thế danh: Đinh Kim Nga, sinh năm 1968 tại xã Long Thới, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Thầy được sanh ra trong gia đình có bảy anh chị em, và Thầy là người con út. Gia đình Thầy vốn là một điền chủ. Có một điều rất lạ

là mảnh đất nơi Thầy sanh ra là một nơi linh địa. Trong thời chiến tranh những lúc bom đạn xảy ra, mọi người ở khu vực gần đó đều chạy đến mảnh đất của nhà Thầy ẩn náu thì được an toàn, bom đạn không dội tới.

Đến khi có một biến cố xảy ra, người cha buông xuôi sự nghiệp nên gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Hai người anh của Thầy thấu hiểu được thời thế vô thường nên phát tâm xuất gia; sau đó chị gái của Thầy cũng xuất gia.

Từ thuở ấu thơ Thầy vốn là một người con rất hiếu thảo với cha mẹ. Từ khi sáu tuổi Thầy đã biết nấu cơm, theo mẹ buôn bán... để phụ giúp gia đình. Tối về tận tụy thương yêu hầu hạ cha già, một lòng phụng sự theo ý muốn của cha mình, chưa từng có nửa ý niệm chống trái. Thầy

nói: “Thầy đã được dày công dạy dỗ từ thuở bé nên mới có ý chí kiên cường vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống cho đến ngày hôm nay.”

Còn Mẹ Thầy là một phụ nữ siêu tuyệt, nhân hoà và từ ái... Thầy cũng từng nói: “Khắp thế gian này khó có người phụ nữ nào đức hạnh tuyệt vời như Mẹ của Thầy.” Một đời tận tụy hy sinh cho gia đình và đến năm 1993 mẹ của Thầy đã xuất gia tu học tại Thiền viện Tuệ Không.

Vốn là một người có thiện căn lớn với Phật Pháp, năm lên bảy tuổi lần đầu tiên được nhìn thấy hình tượng của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Thầy đã bị chấn động và đứng chết lạng trong trạng thái thiền định trước tượng Phật gần tám tiếng đồng hồ. Lúc đó Thầy thấy rõ tất cả mọi thứ diễn ra chung quanh mình; mọi người thấy vậy không ai dám làm động cho đến khi Thầy tự rời định.

Năm 1985 Thầy bị bệnh nặng nên nghiên cứu về phương pháp dưỡng sinh của Tiên sinh G. Ohsawa. Thầy chỉ ăn dưỡng sinh trong vòng 21 ngày và đạt tới cảnh giới số 7, là cảnh giới quân bình âm dương như Tiên sinh đã nói, khi đó tất cả tật bệnh đều biến mất. Thầy ở trạng thái thân tâm rỗng lặng phúc lạc vô biên suốt bảy ngày bảy đêm.

Cũng vào năm đó, lúc còn là học sinh khi nghe thầy giáo giảng đề tài “Vạn vật chuyển vận trong không gian,” Thầy đã ngộ lý vô thường và nung nấu chí nguyện xuất gia. Mãi đến đầu năm 1986 Thầy mới từ giã cuộc sống đời

thường đến Thiền viện Thường Chiếu xin công quả xuất gia tu học.

Đến ngày mùng 8 tháng 12 năm 1986, ngày Đức Phật thành đạo thì Thầy được chính thức xuất gia tại Thiền viện Thường Chiếu. Hòa thượng Bốn sư là thượng Thanh hạ Từ cho pháp danh là Thích Tuệ Hải.

Sống trong Tăng đoàn được phân công tác là trồng rau cuốc đất, nhưng ý chí xuất trần mãnh liệt, quyết tâm phá vỡ sanh tử thể nhập chân lý. Trải qua nhiều ngày tháng, thao thức ngày càng mãnh liệt, cho đến ngày 7 tháng 7 năm 1997, khi nghe Hoà thượng Ân sư giảng Trung Quán Luận đến câu: “Không thọ là Niết Bàn” thì ngay khi ấy Thầy liền dứt bặt tất cả những hiểu biết xưa nay, thân tâm rộng suốt, thông thấu tất cả những duyên trần không phải là thân căn trước đây. Kể từ đó, Thầy thấu hiểu được giáo lý, không còn nghi ngờ lời Phật Tổ nữa, thấu hiểu được chân lý, và từ cái thấy biết vượt thoát mọi khuôn sáo, đời sống trở nên ung dung nhẹ nhàng. Ngay khi đó Thầy cảm tác bài kệ nói về sức sống hiện tại của mình:

*Từ nay vui sống ung dung
Rõ ràng mỗi mỗi nơi duyên chẳng làm
Chẳng làm chẳng lộn chẳng sai
Rõ ràng chỉ vậy chẳng sao nói lường.*

Ngày 12 tháng 7 năm 1994 được sự chỉ dạy của Ân sư là Hòa Thượng thượng Thanh hạ Từ cử Thầy về Trụ trì Chùa Long Hương, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho đến ngày nay.

Thầy đã thuyết những bộ Kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Bát Nhã v.v... và các Kinh văn về Thiên tông, Tịnh độ cũng như các Kinh điển của Phật giáo Nguyên Thủy. Tất cả đều thể hiện tính chung nhất của đạo Phật. Tâm nguyện lớn nhất của Thầy là muốn cho tất cả các tông phái của đạo Phật có cái nhìn nhất quán đúng với tinh thần giác ngộ giải thoát như lời Đức Phật dạy: *“Trăm sông đều chảy về biển cả, biển chỉ có một vị mặn, giáo pháp của Ta chỉ có một vị là giải thoát mà thôi.”*

Ngoài việc hoằng dương chánh Pháp lợi lạc quần sanh, Thầy còn là một vị lương y cứu giúp cho nhiều người bệnh hiểm nghèo, hướng dẫn cho mọi người có đời sống cân bằng thân tâm để khai mở trí huệ, thấu hiểu trật tự thế vũ trụ, đạt được tự do vô biên, công bằng tuyệt đối và phúc lạc cùng tận. Vào năm 2009 và 2012, Thượng Tọa Tuệ Hải đã đi du hóa trong một chuyến đi kéo dài nhiều ngày và giảng dạy sâu rộng tại bốn mươi tiểu bang khác nhau tại Hoa Kỳ, cũng như tại Châu Âu và Úc Châu. Sau đó Thầy đã tiếp tục lưu lại tại Việt Nam để coi sóc công trình xây cất ngôi tự viện Long Hương cũng như giảng dạy hằng tuần và hướng dẫn tứ chúng tu tập tại Chùa. Hiện nay Thượng Tọa Thích Tuệ Hải là Ủy Viên Thường Trực Ban Hoằng Pháp Trung Ương của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.



Vượt rồi

Vượt rồi

Vượt thoát rồi

Hoàn toàn vượt thoát rồi

Giác ngộ viên mãn

Ta bà ha

Tinh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa